

# CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOÀNG QUYẾT

## QUYỂN 9 (PHẦN 3)

### CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOÀNG QUYẾT (PHẦN 3) CỦA QUYỂN 9

Sa-môn Trạm Nhiên ở đất Tỳ-lăng Đồi Đường soạn.

Kế nói đại bất tịnh. Ban đầu nêu tên khác, việc trước ở sau nói khác, nói y theo đây, v.v... là trước tiểu bất tịnh sau nói Bối xả, gồm chung Nhị thừa riêng ở Bồ-tát. Nay đại bất tịnh cũng giống như vậy; kế trong chánh giải thích ban đầu chỉ bày tướng. “Khâu” là tụ, là lằng nhỏ, “mộ” là mả. Trong sách Lễ nói hễ mai táng mà không có “phần” gọi là “mộ”.

**Trong Bạch Hổ Nói chung:** Phần mộ của Thiên tử cao ba nhẵn, một nhẵn bảy thước, như cây thông, chư hầu làm bằng phân nửa như cây bách. Đại phu tám thước như cây Huyền. Cây Huyền: Trong văn nói giống như cây Lan, quan chức bốn thước như cây Hòe, thứ nhân không có phần mộ như cây Dương liễu, ở đây biết phần mộ đều chung sang hèn, “uông” là nước sâu. Trong Quảng Nhã nói: Là “muôn khoảnh bi”. “Canh” là làm nước dơ, v.v... Trong Đại kinh quyển mười ba, nhân ngài Ca-diếp gạn Đức Phật rằng: Suy nghĩ như vậy không có thật lợi, cũng như lúc Tỳ-kheo quán bất tịnh, thấy đã đắp y đều tưởng như da mà thật chẳng phải da, đã có thể ăn uống đều nghĩ là giòi trùng, quán canh ngon dở nghĩ là nước dơ, quán vật đã ăn cũng như tủy não quán xương nát vụn cũng như cốm rang. Nói về nguồn là ở sau chánh nói phát tướng.

Kế là dụ cho, như văn, ban đầu quán ở sau so sánh tu nói luận phát, như văn. Lại nữa, ở sau nói lý chuyển cảnh, vì tâm chuyển, nên dẫn hai duyên để nêu bày cảnh tướng quả cảm khác nhau, như quán bất tịnh, v.v... quả cảm là tâm lực quá khứ, bất tịnh là tâm lực hiện tại,

nay nói phát tướng cũng DO đời trước, quá khứ hiện tại tuy khác nhưng đều là tâm tạo, cho nên được dùng hai thứ làm ví dụ cầm đá, v.v... như trong Đại kinh chép: Thích-na-nam cầm các ngói gạch đều thành của báu, cũng lại do tâm lực quá khứ gây nên, Tăng Hộ biết ý cũng giống như vậy. Trong kinh ấy chép: Ở nước Xá-vệ có năm trăm người đi buôn, muốn vào ra tìm của báu, có một Trưởng giả bảo mọi người rằng: Ta có môn sư tên là Tăng Hộ, nên thỉnh làm thầy, đều đến thỉnh.

Tăng Hộ nói: Nên bạch Hòa-thượng Xá-lợi-phất, lại đến chỗ Xá-lợi-phất. Xá-lợi-phất lại đến chỗ Phật, bạch việc ấy lên Đức Phật, Đức Phật cho đi biển, liền cùng nhau ra biển chưa đến chỗ báu, có một vị Long vương từ biển mà ra, mọi người nói: Ông là thần gì?

Long vương hiện thân nói: cho ta Tăng Hộ, các người đi buôn liền cho Tăng Hộ đến chỗ tìm của báu, lại đến chỗ mất Sư nói rằng: Đến chỗ Thế tôn phải nói thế nào?

Long vương biết các người đi buôn trở về, liền trả Tăng Hộ lại cho các người đi buôn, thế là mọi người đi buôn cùng Tăng Hộ đi về, người thương buôn tham gần đường bằng trở lại, mọi người ban đêm lăm bở Tăng Hộ, mất bạn đi một mình, đến một nhà địa ngục Tăng Lam liền thấy Tăng Ôn, Tăng Ôn vào lửa cháy.

Hỏi: Đây là ai?

Đáp: Người cõi Diêm-phù-đề khó tin, ông nên hỏi Phật như vậy thứ lớp thấy năm trăm mười ba ngục, đến hỏi Đức Phật, Phật giải thích cho nghe.

Ôn Thất ngục: Thời Phật Ca-diếp buông lung dùng đồ của tăng.

Kiền-chùy ngục: Là không đánh kiền chùy, vì dùng vật của tăng.

Nhục địa bị thiêu ngục: Là lén cày đất của tăng.

Nhục ngõa địa ngục: Làm tăng là bậc Trung, Thượng tọa mà không có thiền luật, ăn no ngủ rồi nói chuyện thế gian, ăn ngon tự ghét tu hành ở trong tăng, tịnh nhân trước tự ăn đồ thô tu hành ở trong tăng, chịu các tướng khổ cũng giống như vậy, bình thịt lửa ngục thiêu đốt, làm việc nhà bếp trong tăng thức ăn buổi sáng để lại buổi chiều. “Vãng”: Là để lại đến ngày sau, đàn việt giấu thức ăn cất đợi dịch đi cũng giống như vậy, hạnh không bình đẳng, quả của tăng cũng giống như vậy. Dao lửa cắt mũi ngục đốt, vì khắc nhỏ trong đất sạch của tăng. Ngục đánh đập xác thịt tăng, đóng đinh trên vách treo y bát của mình, đài ngục lửa đốt thịt, tăng nằm đủ trên các móc câu mà đi vì ngăn Tăng thọ dụng, tự mình ở phòng tốt, cho người khác ở phòng xấu, khổ cũng như.

Ngục đốt phòng: Ở phòng tăng như mình có vì không đổi, không

y theo thứ lớp phân chia.

Ngục thiêu đốt giường, vì dùng giường của tăng, không theo lớp phân chia, phá đốt cháy cây của tăng, khổ cũng giống như vậy.

Ngục lửa thiêu đốt ngọa cụ, vì chân đạp ngọa cụ của tăng.

Ngục thiêu đốt thịt nhà xí: vì đại tiểu tiện trên đất sạch.

Ngục thiêu đốt ngôi tòa cao, vì nói luật đảo ngược vì lợi mà nói pháp, khổ cũng như.

Ngục thiêu đốt trái cây, vì lén ăn trái cây của tăng và cho người tại gia.

Ngục thiêu đốt bốn thứ rừng thịt, không có đức xử đoán việc nên không bình đẳng, nằm ngủ với Tăng khổ cũng như.

Ngục thiêu đốt hai vị Sa-di trong mền, vì hai Sa-di ôm nhau mà ngủ, hai vị ấy vẫn vì lợi ích cho đàn việt và Tỳ-kheo.

Bèn nói Tỳ-kheo như vậy, tuy không trì giới, tứ sự cúng dường cũng được đại quả, huống chi lại cúng dường tăng chúng bốn phương. Các ngục như vậy ở bờ Hải Châu tùy chỗ mà có, hoặc thân làm giường dây, bình, v.v... phải biết sắc pháp tùy người cảm, sắc không có tự thể nhất định tùy tâm biến hiện, nếu quán pháp thành đều chuyển được sắc. Nếu chấp ở sau nói do cảnh chuyển, có công phá kiết. Nói quán này khế hợp với đạo chuyển biến: Là nếu giả tưởng thành, thật thấy các cảnh chuyển thành bất tịnh, như người có thần thông khiến vật thật thay đổi, giả tưởng biến cảnh như người được thần thông, nên nói khế hợp với đạo chuyển biến, lại trong tất cả vật đều có lý để chuyển, nên người có thần thông và người tu quán có thể chuyển, lý này vốn là pháp không thể nghĩ bàn trong Như lai Tạng, tùy tâm thủ chấp thành ngoài thành tiểu, sở hành của các ông là đạo Bồ-tát, bình đẳng pháp giới gang tấc không thiếu, hoặc căn bốn ở sau nói lậu vô lậu, hoặc căn bản một bề hữu lậu đã nói như trước, tiểu đại bất tịnh và Bối xả, v.v... và duyên vô lậu chưa tức vô lậu, hoặc dùng trí để dứt hoặc, nương bất cứ một địa nào nên nói từ trên đều bỏ. Trong Câu-xá nói: Đạo xoay vần Cửu địa, hoặc người ở sau y theo đại bất tịnh, để rõ Bối xả, hoặc người, v.v... trước sau đều phá hai báo y chánh, hoặc luận ở sau y theo Bối xả để nói Thắng xứ và Nhất thiết xứ, trước nêu. Trong luận Bà-sa nói: Thắng ở phiền não, gọi là Thắng xứ, do y chánh đều không chấp, nên đối với y chánh chuyển biến tự tại. Trong Đại luận nói: Ở sau dẫn luận nói căn. Trong Thiên Môn nói: Tu Bối xả xong thì tu riêng Thắng xứ là hạ căn, hoặc ở trong đó nói đủ như văn nay lại không nói riêng ban đầu tu Thắng xứ, nhưng ở trong Bối xả thứ ba lại quán hai Bối xả ở trước

thành bốn Thắng xứ, kế thứ ba ở sau thành Thắng xứ. Cho nên không cần lại tu riêng. Hoặc là thượng căn: Cũng không cần đợi đến lúc thứ ba xong, mới trọng tu hai Bối xả ở trước thực hành bốn pháp trước. Đối với bốn Bối xả liền có thể phân biệt, hoặc nhiều hoặc ít tốt xấu thấy biết, thành hai Thắng xứ; kế ở đây sau thành các Thắng xứ, này vẫn y theo giáo nói về thượng, trung, hạ, cũng y cứ Bối xả để nói pháp quán, hoặc thượng thượng lợi căn, lại cần nương pháp hướng về ba căn. Như kinh Dục Vương quyển mười tám nói nước Ma-thâu-la có một người nam theo xuất gia với Cúc-đa, nghe nói pháp quán bất tịnh tự cho mình làm việc mình đã làm. Sau đến nước Kiến-phục-la thấy người nữ mà sinh dục tưởng, liền lấy cốm khô trong bát đem cho người nữ, người nữ thấy nhẹ răng cười, cũng sinh dục tưởng với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo thấy rồi cho đến quán thân như thấy răng xương, tưởng xương thành rồi, chứng A-la-hán, hoặc nhiều hoặc ít cho đến tốt xấu đều là bất tịnh, chánh nói tướng phát. Ban đầu là nói tướng phát; kế phán xét vị; văn đầu: Là y cứ ban đầu Bối xả lập hai thắng xứ, đại thiên là nhiều, giảm là ít, nhiều ít như thế đều có tốt xấu, cho đến rốt sau tốt xấu đều bất tịnh. Trong Bối xả trước tuy quán sắc bất tịnh đều là bất tịnh, chưa thể lần lượt so sánh quyết định tốt xấu, nay khéo quán biết nên nói là thắng tri. Lại thắng y theo lược tiểu bất tịnh, nhưng y chánh báo để rõ tốt xấu, hoặc y đại bất tịnh khởi Thắng xứ: Cũng so sánh hai báo y chánh được thắng tri kiến, đủ như Bốn niệm xứ Biệt giáo ở trong đó có nói, hoặc ở trong đó y cứ Bối xả thứ hai lập hai Thắng xứ, đầu tiên nói phát tướng.

Kế giải thích tri kiến; kế phán vị, hoặc Thắng xứ ở sau nói công năng, từ thượng cổ trở xuống dẫn sự việc, thôi vị nhường nước: Như Ngô Thái Bá làm trưởng tử Thái Vương, thứ lớp Trọng Ứng, ấu đệ Lý Linh, Thái Vương bị bệnh nhường cho em là Thừa Đích, nên mượn hái thuốc vào Đông Ngô, còn trong trợ đạo có nói, trả lại trâu, v.v... vua Nghiêu mời Hứa Do làm trưởng chín châu, Hứa Do nghe việc ấy xuống sông rửa tai. Sào Phủ nhân dẫn trâu đi uống nước thấy việc ấy bèn

Hỏi: Nói về người rửa thì trước phải rửa mặt, sao ông rửa tai.

Hứa Do đáp: Vua Nghiêu mời tôi làm trưởng chín châu, tôi ghét nghe tiếng ấy nên rửa tai.

Sào Phủ đáp: Tôi nghe cây của Dự Chương mọc trên núi sâu, trên đó không có đường xe qua ở dưới không đi qua hiểm trở, công thợ tuy khéo mà không thật có, ông muốn lánh đời sao không ẩn sâu, mà đi trong nhân gian mong cầu danh lợi, ta cho trâu uống nước thì dơ miệng trâu, ông bèn dẫn trâu lên dòng trên mà cho trâu uống nước. Lại trong

luận Bà-sa hỏi: Thắng xứ nương thân nào mà được?

Đáp: Nương thân dục mà được.

Hỏi: Có thể đối với thân Phật cho là bất tịnh chăng?

Đáp: Có thể, nhưng chỉ có Phật mới có thể, Thịnh văn chẳng thể cho, thân Phật là vô cấu.

Tất cả quán bất tịnh: Là không thể đối với thân Phật nghĩ là bất tịnh. Ba minh ở sau bốn Thắng xứ.

Ban đầu so sánh vị, kế nói đại tiểu; kế nữa nói giả thật.

Trong Đại luận nói xanh vàng, v.v... là sau bốn Thắng xứ chỉ có bốn sắc, nay nêu bày tám sắc, ý ấy thế nào?

Đáp: Trong kinh luận khác nhau nay vẫn đều nêu bày, cho nên phán xét, xanh, v.v... từ nơi thật địa, v.v... Từ nơi giả: đây là y cứ theo Tam-muội ý duyên sắc phán xét, chẳng phải sắc của năm căn sở đắc, nên Tam-muội thấy mười phương khắp đều bốn sắc, nên bốn sắc là thật, nếu thấy địa, v.v... cũng là bốn sắc, mà lại đặt các địa có bốn tên, cho nên là giả. Do mười nhất thiết xứ thấy tám sắc, nếu chỉ nói tám sắc thì đều từ thật mà nói. Nếu phán xét sắc năm căn sở đắc, nên nói xanh, v.v... từ các giả địa theo thật, như trong Câu-xá nói: Đại chủng nghĩa là bốn cõi tức đất, nước, lửa, gió có thể giữ gìn các nghiệp tánh cứng ướt ấm động, đây nói thật bốn đại chủng có thể giữ gìn bốn đại dụng, nghĩa là địa năng thành trí, “đẳng” là đẳng thủ còn các thủy đẳng có ba, tức thủy năng thành thuộc, lửa năng thành nhiệt, năng phong thành trưởng.

Kế nói địa: Nghĩa là hiển bày hình sắc tùy thế tướng đặt tên, nước lửa cũng giống như vậy, phong tức là cõi cũng giống như vậy, đã nói thế tướng nên hình dáng hiển bày sắc đều là giả.

Hiển sắc: Nghĩa là sắc, v.v...

Hình sắc: Nghĩa là phương, v.v... nước lửa cũng bày hai sắc, nên nói cũng.

Phong: Trong luận nói: Phong cõi là Vô sắc rất dễ thấy. Có thuyết nói: Cũng vậy là cũng như nước lửa, nghĩa là gió đen, v.v... và toàn phong (gió lối), v.v... giả thật sắc này, trong năm căn, nhãn sắc thì làm nhãn thức sở đắc, thật sắc thì làm thân thức sở đắc, hoặc Tam-muội sở kiến đều chẳng phải thân nhãn hai thức sở đắc nên phán xét giả thật có đây khác nhau, hướng chi Tam-muội sở kiến xanh, v.v... địa, v.v... đều thấy không lẫn lộn, hoặc như Câu-xá chỉ ở trên thật pháp như địa, v.v..., có hiển bày hình sắc không có địa khác, cho nên khác nhau, nên trong Bốn niệm xứ nói: Trong Đại luận chỉ chép: Xanh, v.v... trong Anh

Lạc nói địa, v.v... này cũng không tồn tại, bốn sắc này gọi là địa, v.v... là thể, danh tức giả danh thể tức thật thể, văn ấy vẫn nói có sắc so sánh thành thuyết như vậy, mà không nói Tam-muội sở kiến, nên biết Chỉ quán từ bên Tam-muội sở kiến mà nói, nếu Tam-muội thành thì khắp mười phương không có hình sắc. Hoặc thể ánh sáng chưa thành thì có hiển có hình, hoặc từ thành phán xét nên chỉ có hiển, nay văn tuy tức giả thật đều nêu, phải còn bốn do không có bốn, bốn bao gồm bốn pháp ở trước gọi là Tám Thắng xứ, bốn pháp này ở sau nói pháp hữu vô. Trong ngoài sắc tận: Là tự cốt nhân làm trong, tha cốt nhân làm ngoài, đã không có trong ngoài chỉ có tám sắc nên không có tốt xấu, nhưng có nhiều ít, cốt nhân tuy hết chẳng phải tám sắc hết, nói nhiều ít là tám sắc rộng hẹp.

Kế nói mười nhất xứ, ban đầu lược phán vị trong tám Thắng xứ trừ bốn pháp trước rồi, đối với bốn pháp sau giả thật đều quán, nên được nói là tám, lại thêm không thức nên được thành mười, đều khắp mười phương nên gọi là biến xứ. Chỉ có bất động niệm tuệ đến thiền thứ tư không bị các tai trong ngoài làm lay động, tức là chi đầu vậy, và niệm tuệ tức ba chi.

Lại y theo Tiểu thừa như đây phân biệt, kế dùng xanh ở sau chánh nói phát ở trong, trước nói mười nhất thiết xứ; kế nói mười nhất thiết nhập. Giáo có hai văn e người không rõ, nên bao gồm giải thích. Biến nhất thiết xứ ở mười phương cõi, khắp nơi đều biến, nên gọi là biến xứ, mười pháp tướng nhập lại được nhập danh, từ đây trở xuống phà giải người khác.

Nói tám Thắng xứ, là duyên tám sắc bên ngoài, nay ý không phải như vậy, đây là cốt nhân tự buông, vì pháp nội tâm có sắc, hoặc nội Vô sắc, sao có thể biến ngoại khiến trùm khắp mười phương, nên văn trước phán xét làm giới ngoại sắc, ý cũng như vậy, nên biết không cần duyên theo dục trần.

Kế dẫn trong Đại luận nói lấy Ưu-bát-la, v.v... là mầu hoa sen xanh, e người không hiểu nội tâm buông sắc nên mượn bên ngoài để dụ nội tâm, văn này lại gồm chung nêu bày phục nạn, e người dẫn luận mà nạn rằng: Nếu không duyên: Nếu không duyên là vì sao luận văn duyên Ưu-bát-la, nên dẫn văn luận tiêu phục nạn ấy, nếu thông minh quán sát ở sau, vì nói cái khác ấy lại buông ra, hoặc thông minh quán sau là tu Thắng xứ, nói chung Vô sắc để mượn ngoại sắc, nay sau Bối xả mới tu Thắng xứ, trong tịnh Bối xả tự có tám sắc, nên nói pháp nhân bất hoại trong tự buông.

Lại nữa, Bồ-tát ở sau lại nói Bồ-tát tu phát. Thắng xứ chuộng đủ các độ, huống chi là tám sắc, nên sau kết rằng: Tỳ tâm tức thành, này do thông biệt Bồ-tát sơ tâm làm so sánh. Trong văn đàn đầu Sáu độ rất dễ thấy. Kế trong hộ nói lược ba giới. Hại người ở sau là sát; dẫn vật ở sau là trộm; luống dối ở sau là vọng, cho đến trong tuệ nói không sinh không diệt, nên biết không phải Bồ-tát ba tạng, tất cả ở sau đâu chỉ đầy đủ sáu độ mà thôi, tất cả pháp môn đều đầy đủ, đạo chỉ là tuệ, thuộc về định tuệ, trong tất cả các hạnh Thắng xứ. Như ngựa đi nhanh, v.v... là dụ cho ở Thắng xứ, tâm đối với các pháp đi ở tự tại, lúc này ở sau nói công năng của Thắng xứ.

Ban đầu nói công năng điều ma, thực hành bốn pháp Tam-muội của hành nhân, có công năng nhập vị, viên nhân phát rồi chuyển thành cảnh này, phần nhiều nhập năm phẩm, do năm phẩm cho đến sáu căn, cận ở Sơ trụ nên nói Cận trí.

Đồng với này, v.v... Là nói đồng với này, hơn nữa nói phần chứng sở phát, cũng được Đại thừa đầy đủ như văn trước phá các sư không đạt ý các luận, tức là ý này. Còn được nhập phẩm cho đến sáu căn, huống chi là nói chung Đại thừa ư?

Kế nói định từ tâm, ban đầu nói lược trước sau, kế là nói sở phát. Nói khéo tu đắc giải, nương tu nói phát, y cứ theo giáo tu tập nên gọi là Thiện, tu thành tựu rồi gọi là Đắc giải. Sở duyên có ba, đó là người trong oán thân y cứ về xứ tức là rộng lớn vô lượng, duyên ba người này, cho đến mười phương, khiến được thượng lạc, tức là tướng từ tâm thành tựu. Luận Bà-sa chép: Oán thân đều có ba. Một phẩm trung nhân, Đại kinh phạm hạnh ý văn rất đồng, hai văn kinh luận đều có tướng tu. Trong thiền môn cũng nói pháp tu, nghĩa là khi mới tu khiến bậc thượng nhân được hạ lạc; kế tu khiến thượng thân được trung lạc, trung thân được hạ lạc; kế tu được thượng lạc, trung thân được trung lạc, hạ thân được hạ lạc; kế tu khiến trung thân được thượng lạc, hạ thân được trung lạc, trung nhân được hạ lạc; kế tu khiến hạ thân được thượng lạc, trung nhân được trung lạc, hạ oán được hạ lạc; kế tu khiến trung nhân đắc thượng lạc, hạ oán được trung lạc trung oán được hạ lạc; kế tu khiến hạ oán đắc thượng lạc, trung oán đắc trung lạc thượng oán đắc hạ lạc; kế tu khiến trong oán đắc thượng lạc, thượng oán đắc trung lạc; kế tu khiến thượng oán đắc thượng lạc, này gọi là tướng tu Từ thành tựu, hai tâm bi hỷ cũng giống như vậy, nếu tu xả tâm thì từ trung nhân mà khởi, hoặc trước xả thân e sinh ái chấp, hoặc trước xả oán e sinh tức giận, cho nên cần phải trước xả trung nhân, ở trong oán thân vì oán dễ xả; kế xả

oán nhân, ở trong oán nhân, trước thượng kế trung kế đó hạ; kế xả thân nhân trước hạ kế trung, kế nữa là thượng, nếu tâm xả thành tựu, đồng không khác nhau tu đã khác nhau, lúc phát thì y cứ mà biết.

Hỏi: Người nào không thể tu Bốn tâm vô lượng?

Đáp: Có hai hạng người?

1- Người muốn cầu hơn người thì không thể tu.

2- Người không muốn cầu hơn người thì có thể tu.

Người cầu hơn người cho đến La-hán cũng cầu hơn người, người cầu thiện mà có thể tu, người cầu thiện cho đến xiển-đề cùng cầu thiện, hiện tại tuy không, lỗi chưa hoặc có, trong luận Bà-sa có nói tướng ấy. Nói rộng lớn vô lượng, v.v... đã y cứ theo ba hạng người như trong văn, ba hạng người tuy khắp nơi, nếu chưa khắp thì không gọi là thành tựu, nên lại y theo phương hướng, nên trong luận Bà-sa nói: Vì duyên một chúng sinh hay vì duyên nhiều chúng sinh?

Đáp: Lúc mới tu duyên nhiều chúng sinh, khi thành tựu hoặc một hoặc nhiều, nơi chốn cũng vậy. Trong Đại luận hai mươi mốt nói rộng về tu tướng.

Nói ẩn một, v.v... Là hoặc nương căn bản, trong ngoài đều chìm ẩn, và ngoài chìm ẩn trong không chìm ẩn, còn bao nhiêu trong ngoài đều không chìm ẩn, nhân duyên về sau nêu đồng với này phán xét. Hoặc trước trở xuống nói cùng các thiền, phán xét xen nhau. Ban đầu nói phát Sơ thiền, ban đầu nêu trước sau; kế nói phát năm chi, giải thích ở cõi quán chi, hoặc nói trong người được các điều vui trên cõi trời, v.v...

Trong luận Bà-sa có hỏi: Thế nào là chỗ vui của chúng sinh?

Đáp: Có thuyết nói: Cùng vui Ba thừa trong cái vui cao siêu. Có thuyết nói: Cho bốn việc vui đã từng được. Có thuyết nói: Từng cho điều vui kinh hành xứ sở hữu, đến chỗ sở trụ suy nghĩ khiến cho được. Thâu: Cũng là vui, trong Luận Ngữ chép: Thâu châu như vậy này danh đồng với căn bản, v.v... là nói đồng khác, tên chi tên xúc đều đồng căn bản, căn bản như nước từ như mật hòa vào nước. Hoặc phát, v.v... cũng là nương theo tu để nói công năng.

Phạm dân là Phạm chúng, Phạm thần là Phạm phự.

Trong luận Bà-sa có hỏi: Phạm phước là thế nào?

Đáp: Có thuyết cho là: Phước của tất cả chúng sinh; có thuyết nói: Phước của Luân vương; có thuyết nói: Phước của Đế-thích; có thuyết nói: Phước của Tự Tại; có thuyết nói: Phước của Phạm thiên; có thuyết nói: Ngoài phước gần của Phật, Bồ-tát còn của tất cả người; có thuyết



nói: Phước của Phạm vương thỉnh Phật xoay bánh xe pháp.

Bình Gia nói: Phạm phước vô lượng như trên đã nói đều gọi là Mỹ; có thuyết nói có bốn việc được Phạm phước.

- 1- Tìm nơi xây tháp để xá-lợi.
- 2- Chỗ chưa có tầng phờng xây dựng tầng phờng.
- 3- Phá tầng hòa hợp.
- 4- Tu bốn tâm vô lượng.

**Trong kinh Tịnh Danh chép:** Tu bốn vô lượng khai đạo Phạm thiên.

Kế nói Sơ thiên phát định từ; kế nói định từ phát ra nhị ba tứ thiên, như trong văn; kế chỉ từ tâm ở sau phán xét Đại Tiểu thừa, Phật hoặc khi, v.v... Trong luận Bà-sa chép: Đức Phật nói định từ không qua Biến tịnh, cho đến xả tâm không qua Vô sở hữu xứ, đủ như văn này, trong luận Bà-sa nói Tiểu thừa cho đến bất dụng xứ, hướng chi là pháp của Bồ-tát ư? Phải biết Tiểu thừa có đủ hai thuyết, theo Bồ-tát thường cùng từ bi ở sau mới thuộc Đại thừa, mỗi địa đều có bốn tâm vô lượng. Trong luận Bà-sa lại hỏi: Còn ba tâm vô lượng, vì sao ở Vô sắc.

Đáp: Việc này ngài Di-lặc nói biết, phải biết giáo quyền hợp cơ mà nói, chưa cùng tột thật lý nên nói nhất vãng, hoặc trước phát căn bản ở sau nói Nhị Tam Tứ thiên phát định từ, nhưng nói căn bản là từ lược đầy đủ phải nên nói vì và phán xét Đại thừa, Tiểu thừa, v.v... Nếu y Đắc thắng ở sau; kế y cứ theo căn bản tinh thiên phát định từ, nói định sở y tự là nhất biên, v.v... Đắc thắng trở đi đã có quán tuệ khác với bốn tướng, lại cùng từ tâm khởi chung và trước sau, v.v... nên được gọi là “Tự tại nhất biên”.

Bất tịnh thủ chúng sinh phá hoại tướng, v.v... là câu hỏi, quán phá hoại ấy cùng đặc lạc, lại từ định không thành, tuy không mà ở sau có đáp. Tướng phá hoại, thuận với vui Niết-bàn, tức nghĩa tương ứng với pháp duyên từ, hướng chi cùng tột trong cái vui Niết-bàn, nên biết lại dùng pháp duyên từ đáp: Đây gọn chung về định vô lậu, tự như Niết-bàn, nên quyền lập pháp duyên, pháp duyên ở trong cảnh thừa.

Hỏi: Từ duyên chúng sinh, v.v... là lặp lại ý hỏi, hai nghĩa trái nhau làm sao tương phát. Ý đáp: Định pháp khó suy nghĩ nhưng phải tin sâu. Đại thừa cũng được các thiên đều phát, nhưng nay từ tâm và thiên bất tịnh lại xen nhau phát chưa đủ làm ngăn ngại, từ định cũng có thể trở xuống, lặp lại làm nghĩa trang nghiêm để giải thích, nhưng sao thẳng phát mà thôi, hai thứ lại xen nhau từ định càng tốt đẹp, từ tâm đã vậy, bi hỷ cũng vậy, hoặc xen nhau phát bốn chữ này, nói Đại Tiểu thừa

bất tịnh phát ở từ tâm, nay vẫn còn lược. Nói tướng phát: Là lời tuy bao gồm, mà vẫn trước đây là nói rõ bất tịnh phát từ. Còn ba tâm Vô lượng để nói theo từ nên biết, nêu ba tâm để nói theo từ tâm. Lại trong luận Bà-sa hỏi: Trong bốn vô lượng tâm nào cao siêu?

Đáp: Tâm là xả tối thắng, trong Đại kinh quyển mười bốn cũng gọi là tứ đẳng, tứ đẳng từ tâm, vô lượng từ cảnh, cảnh đã vô lượng từ cũng không khác nhau, đẳng tâm so sánh bốn, nên nói Tứ đẳng, nếu bốn vô lượng ở sau phán xét lậu vô lậu, tức từ sở phụ để phán xét lậu, v.v... nhân duyên khác nhau, v.v... nói từ định sở y, nương người thân nào mà phát từ định, sở nhân đã nhiều từ cũng vô lượng, nên nói trăm ngàn không thể xưng nói. Kế là dụ cho chẳng những nói thẳng hữu lậu, v.v... khác, trong mỗi thiên mỗi địa, mỗi phẩm mỗi công đức, vị chi tướng khác không thể nói đủ, nên dùng y chánh cõi dục làm ví dụ, trong dụ cho lại thành hai lần khác nhau.

Ban đầu dụ cho pháp dụ cho pháp thể sâu rộng; kế dụ cho pháp nhiệm mầu khó tin. ban đầu dụ cho như văn; kế hợp giữa ban đầu chánh hợp từ kế bao gồm hợp bốn; kế giải thích hợp như vậy; kế dụ cho có pháp có dụ có hợp, dụ cho nói sơn tả, v.v..., như thái hoa dĩ đông gọi là tả nhị, không biết bao nhiêu vị ngon quý, có làm chữ tu là sai, tu trong sách Chu Lễ chú giải rằng: Đủ trăm vật gọi là Tiến, để vị bổ ích gọi là Tu. Trân: là nói sự quý trọng vị bổ ích.

Tĩnh oa, v.v... là chữ (tĩnh) lẽ ra trung tâm viết điểm, bốn bên trụ tượng điểm tượng bình, do Nghiêu Thần Bá Ích tạo, thế tục nói thị tĩnh là nhân giếng tạo chọi nên thị tĩnh, mà nay chỉ nói tĩnh, chỗ ở trong giếng chẳng phải hải tộc. Oa: là con ếch ương nhỏ, nói biển hoặc là tên của thần biển, phi là bác bỏ. Vì muốn bác bỏ biển hẹp mà giới thiệu giếng rộng.

Kế nói nhân duyên thiên: Là môn nhân duyên, đây là hành giả lập yếu cảnh quán, bỏ tà hương về hạnh, đầu tiên của chánh, hướng chi thành tựu thừa Đại thừa. Thế tức hạt giống chánh của ba nhân Phật tánh, nên ở trong môn này nói rộng tướng thừa, trong đây đã nói nhân duyên ba đời, nói mười hai thời, v.v..., rộng như trong huyền văn dẫn trong luận Bà-sa đã giải thích. Hiện tại là khổ, thức danh sắc sáu nhập ở trong thai, xúc thọ ở ngoài thai, ái thủ có ba cũng thuộc về hiện tại, hai pháp đầu là hoặc, một pháp kế là nghiệp, sinh già chết thuộc vị lai, cũng là khổ, ở giữa và ban đầu nói trong ngoài. Nói có đại công huân trong mười lực. Chư Phật ban là thêm năng lực bên ngoài. Kế chánh nói phát chạng giữa ban đầu suy ra ba chi hiện tại. Nói năng duyên, sở

duyên, v.v... là quán mười hai duyên, gồm có hai thứ.

1- Suy quả biết nhân, như trước sau thọ cho đến vô minh, đã biết vô minh sinh ở thọ, v.v..., thì không khởi ái, v.v... khởi ở đương quả, có đủ như trong huyền văn đã giải thích nhân duyên.

2- Suy nhân biết quả tức như văn này, văn nói phát đặc trở lại nương tu để nói.

Ở trong định tâm sở duyên thiện ác năng sở hòa hợp, được gọi là nghiệp, nghiệp chiêu vời quả nên gọi là hàm, nghiệp tức có nhân nên có quả năng hàm. Kế suy nghiệp này lại do ở thủ, thủ ở thiện ác, cho đến vô minh, nên dứt hiện nhân khiến diệt đương quả, nhân ái ở sau suy hiện năm quả.

Mục nhọt: Đầu thân hai tay hai chân. Lại nói: mắt, tai, mũi, miệng và hai mươi lông đốt thành hai mươi bốn pháo.

Thức do ở sau suy hai nhân quá khứ; kế suy quá khứ vị lai; kế kết; kế như thị trở xuống là nói xen phát.

Ban đầu là nói phát căn bản, nhân duyên này nói ly do phát, hoặc là căn bản trở xuống nói đồng khác; kế phán xét ẩn một; kế nói mười công đức; kế kết, cho đến trở xuống phát các thiền, hoặc nhân trở xuống căn bản phát nhân duyên, thì căn bản các thiền đều thuộc nhân duyên. Ban đầu nói chung chín địa hữu chi là thế nào, bắt đầu từ thô trụ cuối cùng đến phi tưởng, đều là nhân duyên, nhân duyên hòa hợp gọi là sở thành, tức do kính mến định tâm làm nhân, bảm thọ giáo pháp duyên, định thể thành tựu làm pháp sở thành, tức gọi là nhân duyên dùng làm năng thành, suy định thể này từ nhân duyên sinh, sinh là hữu chi, tùy theo địa định nào thành hữu chi nào.

Nói các định: Đã lại y theo căn bản, luận khắp các định, thô tế này trở xuống là nói riêng chín địa hữu chi, như vậy, v.v... đến chấp tướng Sơ thiền, nói chấp địa phát mười một chi, nên nói cho đến chấp tướng phi tưởng. Sơ thiền ở đầu là nói theo ban đầu, trong văn tuy có các trụ thô tế, chẳng phải tâm trông mong, nhân, nhưng nhân hy vọng tâm mong cầu ở Sơ thiền mà phát đồng với này, cho nên không luận các trụ thô tế, như hai mươi lăm phương tiện trước, người tu Sơ thiền vốn vì Sơ thiền lập hai mươi lăm pháp, cho đến Phi tưởng cũng giống như vậy, nên dùng hai mươi lăm pháp trước mà làm hành pháp, đủ như trong quyển bốn giải thích năm pháp.

Y cứ Sơ thiền giải thích năm pháp, tức là tướng ấy.

Nói các thứ hy vọng tức trong năm pháp muốn làm hy vọng, hoặc nói chung: Ban đầu tu tịnh giới, cho đến nhất tâm, đều là hy vọng Sơ

thiền. Lại biết thọ này do nhập xúc, v.v... này y theo cảnh quán đặt các tên gọi xúc nhập, khác nhau với các luận, mười hai thời, v.v... trên đến phi tưởng, đã y theo cảnh quán để nói mười hai, nhưng thuộc về giới ràng buộc đều có nhân duyên, khác nhau với luận Bà-sa phân biệt theo giới, nói vô côi sắc Vô sắc có các tên, đây là căn bản phát nhân duyên xong, như hướng đến nhân duyên, nghĩa là suy ra ba đời thêm bốn bốn đời khác nhau, đủ như trong cảnh nhân duyên của huyền văn, và các văn Câu-xá, luận Bà-sa, hơn nữa cũng có trong thai sinh, không do tinh huyết mà sinh, nghĩa đồng chỗ thấp hóa nhiễm hương, nghĩa chi cũng đủ, như kinh Công Đức Phân Biệt quyển năm có nói: xưa, ông Trưởng giả có cô con gái tên là Thiện Thí, chưa gã chồng, do hơi lửa ấm vào thân rồi mang thai, cha mẹ trách mắng cho đến Đạt Vương.

Cô gái nói: Không còn đổi khác, vua bằng lòng giết, cô gái nói: Nay có vị vua vô đạo này, luống giết người vô tội, nếu ta không tốt có thể đem giết, vua liền giết thử quả như lời nói ấy. Vua bảo với cha mẹ nàng muốn cưới cô gái này.

Cha mẹ bảo rằng: Đem con gái chết đây làm vợ liền đưa vào trong cung, sau sinh con trai, khôi ngô đi xuất gia, chứng quả La-hán, lại có nhiều duyên có thai khác nhau, mỗi đều khéo thông suốt đều ở trong định sở kiến phân biệt, cho đến tưởng ba đời lập khác mười hai tên, suy căn bản, v.v... là để thành mười hai, lại từ mười hai phát căn bản, v.v... cho đến Đặc thắng nói chung các vị dụ: Nói các thiền phát nhân duyên, nên nói các nhân Đặc thắng nhân duyên phát, do các nhân duyên phần nhiều nương theo căn bản, nay theo sở y nên nói nhân căn bản phát.

Lại các nhân: Cũng đồng với ở đây nương tâm y căn bản phát, phán xét thuộc hữu lậu, Đặc thắng nói chung cũng đồng với từ tâm, nên nói ví dụ này nên biết. Kế này quán xét ở sau nói tên thọ khác nhau, thiền kinh và năm dừng đặt tên khác nhau. Năm dừng gọi là Tuệ Thiền kinh, tức là đặt tên Tam-muội, nên nói Tam-muội nhân duyên, ba đời, v.v... Kế là phán xét sự lý, nhân duyên này quán tuy tuệ tánh mà không thể phá hoặc, như mật thất ở sau nêu dụ cho. Năm dừng như ngôi thất kín, niệm xứ như đèn sáng, do năm dừng nên có thể làm lý tuệ, phải biết năm pháp quán dừng tâm tuy gọi là Tuệ mà chỉ là Quán, không thể phá hoặc, như Phú-na ở sau chứng minh nghe nhân duyên liền có thể phá hoặc, mới được gọi là lý quán nhân duyên.

Nói văn tuệ: Là chỉ cho vị Bốn niệm xứ.

Nói Phú-na lãnh giải, trong Đại kinh quyển ba mươi lăm chép: ngoại đạo Phú-na.

Đức Phật hỏi: Ông thấy thế gian có thường chẳng, cho đến thế gian hữu biên, vô biên, v.v... Nếu nói thế gian là thường thì là thật, còn lại đều nói dối, này gọi là chấp tên thấy tên nghiệp, cho đến biên vô biên cũng giống như vậy.

Lại hỏi: Nếu ông đốt lửa là khi lửa tắt ông biệt tắt chẳng?

Đáp: Đáp.

Lại hỏi: khi đốt lửa lửa từ đến, diệt đến chỗ nào?

Đáp: Nhờ duyên mà sinh, duyên hết thì diệt, khi diệt không đến tất cả nơi chốn.

Đức Phật nói: Nếu năm ấm ái sinh thì sẽ như vậy, nếu ái diệt thì hai mươi lăm cõi diệt. Phú-na lại nói: Nếu có một cây chết đến trăm năm, nhánh lá rơi rụng, chỉ có trái hột.

Đức Phật nói lành thay thành A-la-hán, nhưng trong mười vị tiên phạm có lãnh giải, phần nhiều nói: Ta đã biết rồi, ta đã hiểu rồi, trong văn Phú-na tuy không có lời này mà đã được La-hán, cũng có thể dùng chung lời lãnh giải, nhân duyên quán này, phán xét nhân duyên nay, đã thuộc về sự quán, cho nên không bằng Phú-na có năng lực phá hoặc. Kế dẫn kinh luận nêu ra nhân duyên khác nhau và có thể làm văn quán cảnh ngày nay, Anh Lạc có mười thứ mười hai duyên. Quyển thượng nói trong địa thứ mười, mười thứ quán pháp thứ sáu là quán duyên khởi trí quán mười thứ nhân duyên đủ như quyển hai có dẫn.

Kế nói quán, hoặc mười thiền này biệt biệt tu quán, thì ban đầu từ căn bản đến cuối nói thân thông, mỗi chỗ đều nói mười thừa quán pháp, hoặc chung làm, tức ở sau nêu lên là này, nay ở sau nhân duyên thiền lập quán riêng là khác với chín thiền, chín thiền duy đợi phát mới có thể quán, nhân duyên nhất thiền nghĩa tuy phải phát, cũng có thể tức quán, hướng chi là nhân duyên môn đã gồm nhiếp rộng, hoặc Thiên hoặc Viên hoặc chánh hoặc trợ, hoặc nhân hoặc quả, hoặc tự hoặc địa, không đâu mà không nhiếp ở trong nhân duyên quán, cho nên ở đây lập pháp quán riêng, ở chặng giữa ban đầu ngài Long Thọ ở sau có dẫn, ngài Long Thọ nói ý dụng quán. Ngài Long Thọ nói Trung luận nêu bày chung Đại Tiểu, ý luận cũng quán nhân duyên làm tông. Luận sư ở sau nói các sư hiểu lầm, chỉ dùng hai đế làm tông Trung luận, nay nói ở sau phá các sư xưa.

Nói luận tông là nên nói luận này riêng hiển tông hoặc nói hai đế này thuộc thông suốt, nói phẩm gì? Là chỉ mỗi phẩm luận này, không đâu chẳng phải ý hai đế, hướng chi lại hai đế khắp các giáo môn, nên không thể hai đế làm tông Trung luận, nói mà đều phá hết, là luận đề

của các phẩm đều phá mà đặt tên. Như nói phá phẩm Lục tình phá phẩm nhiễm, v.v... pháp quán trong phẩm đều phá sạch hết, sáu tình là tục, phá hết là chân, nên hai đế phá chẳng phải nói biệt tông, luận ban đầu, ở sau là chỉ bày luận tông, hoặc chung hoặc riêng đều quán nhân duyên, cho nên ở đây luận nhân duyên làm tông, nên luận văn đầu gọi là phẩm nhân duyên, quán chung văn sau nên gọi là Thông. Trong các phẩm sau tùy theo nghĩa biệt, mà thật không ra ngoài quán nhân duyên. Các sư phương Bắc ở sau lập lại bác bỏ lời giải thích xưa, các sư phương Bắc tuy dùng nhân duyên làm tông, không rõ ý một bộ thông biệt, mà lại chỉ giáo nghĩa Tiểu thừa ở phẩm sau, Tiểu thừa chẳng phải nghĩa chánh cứu lại nghiêng lệch, vì sao lấy luận đây làm tông luận, nên luận văn ở sau lập phẩm nhân duyên và phẩm tà kiến, trình bày pháp quán Nhị thừa trong tạng, nên lập sáu nhân bốn duyên để nghiên cứu Tiểu tông.

**Trong luận nói:** Đã nghe Đại thừa nay nói nghĩa Nhị thừa, cho nên kế là nêu các phẩm nhân duyên, hướng chi lấy nghĩa của phẩm nội nghiên cứu làm tông, luận tuy nói tiểu, tiểu là sở phá, vì sao dùng nghĩa sở phá làm tông, nên không thật có. Đức Phật bỏ đời ở sau chánh nêu ra Trung luận dụng ý quán. Nếu Phật là người ở đời lợi căn nghe liền được lợi ích, cho nên không phải nói pháp quán. Sau khi Đức Phật từ giả cuộc đời, hoặc nghe nhân duyên trái lại chấp ba đời quyết định có trôi lăn, cho nên ngài Long Thọ rộng làm pháp quán, nhưng phá nhân duyên không có sự phân biệt tướng nhân duyên, nay đã trở xuống kế nói văn nay dùng ý Trung luận, rộng lập quán pháp mười thừa nhập đạo, rộng phá phát đắc tu tướng đắc, nên biết luận nói chung không ngoài mười thừa.

Kế nghĩ bàn ở sau là nói pháp quán, ban đầu nói trong cảnh dẫn Đại kinh có bốn thứ nghĩa quán nhân duyên, thì ba trước là có thể nghĩ bàn, một pháp sau là không thể nghĩ bàn, nên các văn trước nói cảnh nghĩ bàn, hoặc có đến Biệt giáo mà dừng, tức đồng với văn này, hoặc có đến Viên giáo, ý thì hơi khác, đủ như trước đã phân biệt, nói trở xuống bốn trí như trí, v.v..., ban đầu sáu đường nhân duyên chánh đáng cảnh bốn trí sở quán, ở sau trí quán, nên được Thanh văn Bồ-đề, tức là trí năng quán, trí có khác nhau.

Trong phẩm Sư Tử Hống của Đại kinh quyển hai mươi lăm, mười hai nhân duyên gồm có bốn loại: đó là hạ, trung, thượng, và thượng, đủ như quyển mười có dẫn, văn này trong vị Thập trụ Viên giáo, nói không rõ tức là hoàn toàn không thấy, Viên giáo tức y theo

phán vị sáu tức, đều gọi là liễu liễu, cho nên thể bốn trí lại là bốn Thánh giới của văn nay, và sáu giới trước tức mười pháp giới mười hai nhân duyên, Thỉnh văn cho đến thượng thượng đều nói hoặc chuyển, nay y cứ chung ý Đại thừa nói, là chỉ chuyển mê hoặc là trí vô biệt thể. Trong Thanh văn bảy thứ học nhân: Là ba quả bốn hướng, tùy theo các suy nghĩ sinh số nhiều ít sinh cõi Dục giới nên thiện giới, từ đây trở xuống trong trí nếu từ giáo phán nên có Duyên giác, nay văn lại phán xét theo Thanh văn.

Kế nói Duyên giác trong đó nói kết nghiệp hết hay không hết, đồng với ở trước, trước là Thỉnh văn có hết hay không hết, nay nói Duyên giác không nên cách sinh, đã nhiếp thuộc về Thông giáo, cũng y theo giáo luận có nghĩa Thỉnh văn, nên được dứt hoặc nêu lên Thỉnh văn ở trước, hết thì ra khỏi cõi dục, không hết thì đồng với bảy học nhân trước.

Kế nếu chuyển ở sau nói Bồ-tát Sáu độ, trước là hạ trung trí Thỉnh văn Duyên giác khí hoại đồng khác, nên có thể xen nhiếp, Bồ-tát phát tâm không chung với Tiểu thừa, lại vì thành mười pháp giới nên ba giới Bồ-tát đồng làm một cõi, cho nên các văn nhiều ít đều như vậy. Bồ-tát Sáu độ tuy nói Bát-nhã nhưng vẫn còn ở phục hoặc. Trong Bồ-tát Thông giáo có nói chuyển vô minh tức là không tuệ, v.v... Không tuệ đã thành độ Bát-nhã xong, lại nói chuyển hành hữu thành sáu độ, trong sáu pháp tức là sinh diệt giúp quán dùng làm Bát-nhã, lại dùng tuệ tức không dẫn dắt sinh diệt ấy, ở đây chung Bồ-tát Bát địa trở lên, thì nên tùy theo nguyện lợi vật thọ sinh, Bát địa trở xuống hoặc chưa dứt, cho nên nay văn tùy hoặc xếp vào sinh nên nói đồng với trước, dùng tâm hạnh tức không so sánh với năm độ, nên nói phước cao quý, tức không thắng chia chẻ nói tuệ thắng, phước tuệ đã thắng báo sinh cũng vậy, nhưng có thể thắng ba tạng hai thừa ấy, không bằng đến sơ tâm bên Viên giáo, nên gọi là Tiểu, nên nói Bát Cửu địa trở xuống, vì sao chỉ nói sáu bảy địa trở xuống, Bát cửu là vị đoạn hậu, Lục Thất là vị chánh đoạn, nên chánh đoạn viên để nói chưa đoạn, nên nói sáu bảy.

Kế nêu chuyển thành thượng trí, đã nói biệt rõ ràng là nghĩa biệt, chuyển ba món vô minh như kiến tư, v.v..., thành trí Nhất thiết, v.v... ba thứ trí sáng, trong đây chỉ đến hạnh hưởng, lại y theo không được ý biên, lại bỏ Sơ địa để làm cõi Phật và thượng thượng trí, lại hiển bày chứng đạo vô khác nhau.

Nói đồng với trước là trụ trong kiến tư đồng với Nhị thừa ở trước, giới nội trần sa đồng với Bồ-tát hai giáo Tạng Thông ở trước, giới ngoại

trần sa tuy khác nhau với trước, đồng là trần sa nên lại đồng với trước, kế nêu chuyển hạ mà rõ trí thượng thượng, trước nói trí thượng thượng quán làm cảnh không thể nghĩ bàn; kế lập lại giải thích cảnh không thể nghĩ bàn, ban đầu chặng giữa trước lập chung ba Phật tánh; kế hoặc Thông giáo ở sau nói Thông Biệt, tuy có Thông Biệt cộng thành nghĩa Viên. Cái gọi Thông: Là trong mỗi chi đều có ba Phật tánh; kế nếu Biệt sau riêng đối với ba Phật tánh. Vì sao ở phán xét Biệt giáo so sánh ý, do ba đạo này tức là ba đức, nên so sánh riêng. Nếu vậy, vì sao lại giải thích chung ở trước?

Đáp: Nếu Biệt so sánh lại đối với nghĩa tiệm hơn, nếu Thông giáo so sánh thì y cứ lý thông, cho nên Biệt giáo so sánh trong ba Phật tánh, mỗi tánh không ở đâu mà không có đủ chánh nhân; kế tánh đức ở sau giải thích ba đức ở trước không dọc không ngang trước sau không hai. Trong kinh Tịnh Danh dẫn chứng trước sau không hai, chúng sinh là ban đầu, vì tức là Phật. Nên biết không hai, hoặc năm phẩm ở sau phán xét địa vị Phật tánh.

Nói chưa dứt là đồng với người học: Là đồng với Sơ quả hưởng, Thiết luân đồng với vô học: Là nói theo chung, hoặc nói theo Biệt, nên từ Sơ tín cho đến thứ mười, mỗi tiết nương hoặc để phán xét cạn sâu, nên Sáu tín trở xuống cũng đồng với học nhân, đã nói đồng là trí tuy phân ở hạ trung thượng khác nhau, y cứ Thông giáo hoặc dứt đồng, thế nói đồng, nếu phục biệt hoặc một bề khác nhau, cho nên văn sau Ba Hiền Mười Thánh tức cùng hai giáo Ba thừa khác nhau.

Tuy là biến khác, v.v... sáu căn tịnh vị, y cứ Thông giáo hoặc hết, tuy đồng Nhị thừa thọ thân biến khác chỗ ấy cũng đồng, y chánh hơn kém khác hẳn Nhị thừa, năm căn thuộc phước nên nói sinh phước, nội trí khéo léo nêu ra từ ban đầu thường sai biệt, giải thích luận ở sau dẫn chứng thân kém biến khác Nhị thừa, đã nói căn độn tức là năm căn kém hơn người Viên giáo, hoặc Biệt giáo Viên giáo ở sau lại nói Biệt giáo Viên giáo phước hơn giáo trước, đây là Thánh vị khác nhau với trước, chứng đạo đồng với Viên cho nên hợp nói, nhưng tùy theo giáo đạo lập bốn tên khác, hoặc ba hiền ở sau chứng nhân vị Thánh đầu cuối đều thẳng, cho nên văn trước nói vị Biệt giáo chỉ ở hạnh hưởng, Sơ địa trở lên nhiếp trong ba Hiền vị này, cho nên y theo chứng không phân biệt khác của Biệt Viên, chỉ nói ngôi vị Ba Hiền Mười Thánh. Hoặc sau cùng kế sau nói quả vị ở giữa, trước nói ba đức; kế ba Niết-bàn.

**Ngài Tịnh Danh nói:** Ở sau chứng thiện ác trước thành phương tiện tịnh, thiện ác ràng buộc, tức ràng buộc để nói, không ràng buộc



không cởi mở, trong ác nêu cùng tội nên nói năm nghịch, lý cực ác là lý này cực thiện, cho nên gọi là ngay nơi ràng buộc mà nói mở cởi.

Lại, ở sau so sánh mười như, mười cảnh, v.v... không thể nghĩ bàn, và hỏi đáp phân biệt, tức nói lên nhân duyên ba đức trước không thể nghĩ bàn.

Ban đầu so sánh mười như, trong văn hai lần so sánh: Là vì dùng mười hai nhân duyên hai lớp nhân quả.

Kế so sánh mười cảnh, hoặc nói chung, mỗi cảnh không đâu chẳng phải là lý mười như, nay đặt tên để tiện nên lại so sánh riêng, văn tuy khác nhau chánh ở một niệm, mười hai nhân duyên thuộc về mười cảnh.

Hỏi: Nếu vậy, mười cõi âm, v.v... thuộc khổ phiền não và nghiệp ma thuộc hành hữu, ở đây có thể như vậy, vì sao mười cõi hành hữu cũng thuộc về cảnh Bồ-tát Nhị thừa?

Đáp: Hoặc nói chung: Bồ-tát Nhị thừa có đủ ba đạo, nay từ nghĩa Biệt nên Bồ-tát Nhị thừa không thuộc các khổ.

Hỏi: Nếu từ nghĩa Biệt thì Bốn Thánh lễ ra cũng không thuộc khổ và phiền não, vì sao từ thông.

Đáp: Tuy đều chung Thông Biệt, Bồ-tát Nhị thừa từ nghĩa Biệt tiện lợi nên một lần lại như vậy, phạm so sánh đương nghĩa lý không thể hết.

Kế mười hai nhân duyên ở sau nhiếp mười như, mười cảnh để vào một niệm, đủ như văn trước ám nhập trong cảnh nói không thể nghĩ bàn.

Trong Hoa Nghiêm, Đại Tập, v.v... văn kinh chỉ nói tâm nhất niệm có đủ, không nói mười cõi nên biết tồn lược. Các Đại thừa nói một niệm là ý đều như vậy, nếu không như vậy thì tại sao thấu khắp tất cả các pháp, này cũng trở xuống là nêu lược nhiếp rộng.

Hỏi: Mười hai môn, v.v... là giải thích nghi. Duyên là nhân duyên, pháp là nhân duyên sở sinh, pháp sinh đều vô sinh, này do Trung luận ý hỏi mà hỏi văn này, nay văn ở khắp nơi đều nói duyên sinh ở một tâm niệm, trong luận nói là ở nhất tâm vì ở khác tâm. Ý luận hỏi, vì ở tâm một người, vì ở tâm nhiều người, vì ở một người nhiều người một niệm tâm ư? Một niệm khác niệm như vậy, đều ở trong một niệm tâm, văn này đều đầy đủ phải không?

Đáp: Chẳng giữa ban đầu dẫn trong kinh Hoa Nghiêm một và nhiều tức nhau bao gồm đáp ý luận, nhiều người một người so sánh một niệm nay đều đầy đủ, tâm nhiều người một người phát khởi không

ngoài trăm cõi, trăm cõi là nhiều một niệm hay là một, một nhiều tức nhau chẳng phải một chẳng phải nhiều.

Kế dẫn Đại Phẩm để giải thích tức nhau, tất cả các pháp đều đến nhân duyên, trăm cõi nhân duyên không ngoài một niệm, cho nên gọi là đến không lỗi, nên được gọi là một niệm đầy đủ, nay nói ở sau lại phá nạn trước, lại trong Trực nhĩ nói mười hai nhân duyên: chỉ cho hai văn Hoa Nghiêm Đại Tập trước, đều nói một niệm đủ mười hai duyên, thật ra ý hai kinh bao gồm mười cõi. Lại nữa, ở sau định một niệm trước để thành cảnh quán. Lại có hai nghĩa.

1- Dùng thiền làm cảnh, không đồng với thế tâm.

2- Tức cảnh này tâm lại phải lìa chấp.

Nói về thiền tâm đã nói một niệm một và nhiều tức nhau, làm những gì nhất tâm có thể đầy đủ, nên phân biệt chỉ bày nói không được đồng với vọng chấp một niệm, có thể rõ vọng niệm không có tướng một khác, thông suốt vô tướng đủ tất cả tâm, ba ngàn đầy đủ mới có thể chiếu suốt ở một và nhiều tức nhau, này y cứ người sơ tâm tập quán, e lầm lộn cảnh quán vọng tình, cho nên phải phân biệt chỉ bày nhập môn, nếu y cứ lý luận không đâu thì chẳng phải pháp giới, cũng nào ngăn cách ở chấp chặt vọng tình, một văn và quyển nhất trong đây cõi Phật pháp thuộc về có thể nghĩ bàn. Bạc Sơ địa trong quyển ba, tức là Sơ trụ, quyển bốn dùng nghĩ bàn giải thích không thể nghĩ bàn, quyển năm không thể nghĩ bàn ban đầu nói nhất tâm nhập môn đủ ba ngàn đến sau y theo mười thiền tu quán nói: Hành nhân quán pháp cùng tốt đến chánh trợ, và cảnh ma sau nói ám nhập mười thừa độ vào biệt, như vậy bày văn xem xét các bộ, chỉ có một chỗ nêu ra, nếu tìm văn xin nêu bày khắp, thí như ở sau nêu dụ cho, đủ như trong ám cảnh ba dụ có nói, nên chỉ phẩm An Lạc Hạnh trong kinh Pháp Hoa, v.v...

Chân chánh kế sau nói phát tâm, ban đầu trong thiên phân biệt, trở lại y theo không thể nghĩ bàn một niệm mười hai duyên, mà phân ra nhân quả để nói về cảnh đầy đủ.

Chuyển nhân quả này để nói cảnh từ nên phân biệt giả danh sinh diệt không sinh diệt, giả danh tức là Biệt giáo, tức là phân biệt lại các tạng ba giáo.

Kế dẫn Hoa Nghiêm là ba giáo đều là tâm Bồ-đề ma, vẫn ở Biệt giáo phải phân biệt giáo chứng, kế hoặc nương ở sau hiển chánh, là cứu khổ ở sau nói thế cảnh; kế y cứ ở đây trở xuống là chánh nói phát thế, y theo một niệm tâm sinh mười cảnh này, trái lại cảnh này để phát hồng thế; kế trong an tâm tức do mười cõi trong một niệm tâm mà phân ra

ba đạo, pháp khổ tức tánh chẳng phải chỉ chẳng phải quán, nghiệp tức giải thoát, giải thoát là chỉ, phiền não tức Bát-nhã Bát-nhã tức quán, kết nghiệp phiền não không lìa một niệm, phải biết hai pháp này cũng tức là pháp tánh, nên y theo pháp tánh mà nói tịch chiếu, tâm an pháp tánh gọi là an tâm; kế phá pháp trong đó khác với cảnh ấm nhập rộng hẹp, văn ấy rộng nên trước nói ngang dọc; Kế chẳng phải ngang dọc, trọng này văn lược, tức ở song phi để nói ngang dọc, hoặc ngang hoặc dọc và suy ra một niệm; kế trong văn thông bí cũng trước nương thứ lớp để nói không thiếu. Trong văn xuất giả không thông không bí: Không chỉ chung là bí, không bí chỉ là thông, tùy văn tiện nên là cố nói khác. Kế từ nơi mỗi lần ở sau suy xét năng sở, cũng là nhất tâm để nói năng sở, y cứ có bốn pháp tạo tác, v.v... và hoặc thông biệt. Ba giả, v.v... đều là nói theo thứ lớp; kế trong Đạo phẩm cũng trước nói Đạo phẩm; kế nói ba không, Đạo phẩm đã dùng niệm xứ làm đầu, nên dùng nhân duyên trước so sánh niệm xứ, trong đó lại y cứ Thông Biệt hai lần, ban đầu y cứ mười cõi, nên ở sau ba niệm chỉ nói nhất thiết, mười cõi đều có bốn nên gọi là Thông; kế trong biệt lại có hai nghĩa, chỉ là hai nghĩa hai lần so sánh, lần đầu lại thiếu thọ niệm xứ, nên nói vô minh hành danh sắc sinh tử, trong chỉ ái thủ hữu thọ ấm, thuộc về thọ niệm xứ, nhưng trong biệt hai lần đồng lập mười hai chi, đều đủ năm ấm mà nghĩa thủ hơi khác, ban đầu chỉ lấy văn hiện đương thể, vì thuộc về niệm xứ, hoặc kế văn sau tức dùng đương lập cho đến hiện tại mong ở hai nghĩa quá khứ, vị lai khác nhau, nên hai chi quá khứ và hai chi vị lai, nên thuộc về pháp. Hoặc đương vị rất đồng với trước. Kế phân biệt chặng giữa trước hỏi chặng giữa, v.v... thế nào là ba niệm: Là nương số người sinh tử là bất tương ưng hành, thuộc về pháp niệm xứ, vì sao giải thích chung đều có bốn niệm, nên trong Tỳ-đàm Câu-xá có mười bốn món bất tương ưng hành, sinh tử thuộc bốn tướng, nên thuộc bất tương ưng hành, và lần đầu trong giải thích riêng chi sinh tử vì sao nói có ba niệm xứ? Nghĩa là pháp thân tâm.

Ý trong lời đáp: Là ở trước giải thích chung e nghĩa không rõ, nên dẫn trong Đại kinh giải thích thành nghĩa thông, trong văn kinh đã nói, hoặc sinh hoặc diệt đều có năm ấm, tức là sinh tử đều có bốn niệm, như trong Câu-xá nói mười hai nhân duyên, mỗi nhân duyên đều dùng năm ấm làm thể, không đồng với kinh bộ, đối với biệt so sánh hai nghĩa trong mỗi chi đều lập năm ấm, tức là từ thẳng, tuy mượn quyền ấy văn nói theo sự tướng, mà phân vị khác nhau, đều phải y theo một niệm mười cõi, phải biết đây là y theo một niệm tâm, hai pháp thông biệt mà

so sánh, tất cả phần sắc tức thân niệm xứ, tất cả phần tâm tức ba niệm xứ, cho nên đồng với cảnh ấm nhập nghĩa đạo phẩm, hoặc thông biệt, v.v... Chỉ hai pháp thông biệt trước so sánh kết thành bốn đức, đều phải quán là cảnh không thể nghĩ bàn; kế bốn pháp này ở sau kết tười không Trung đạo Phật tánh; kế nêu chung các phẩm, đều như văn, quán căn bản ở sau kết thành ba không, ở văn rất dễ thấy, y theo ấm cảnh trước có thể do ý mà được, cho nên lại y cứ quán vô minh, v.v... ba giả để nói: Không chấp pháp tánh bốn tướng, là trước nêu bày bốn pháp như không thọ, v.v..., kế nêu bày bốn pháp tâm, cữu, v.v... tức là không thọ tâm không chấp cữu, không niệm trong không phân biệt ngoài. Tâm là ái thủ. Cữu là vô minh. Nội là nội tâm; ngoại nghĩa là ngoại cảnh, ở một niệm tâm mười cõi pháp tánh quên bốn tướng này, không nương tựa, v.v... không nương bốn câu tức bốn tướng; Không sở kiến: Là không thấy bốn câu chẳng, thấy không có bốn câu, không trụ cũng vậy, lý vốn chẳng phải tu cũng chẳng phải làm tác, không có nhân để tu không có quả để đắc.

Kế nói đối trị: Là trong văn đầu nói lược ra ý. Đạo phẩm ở trước, v.v... Là trong Đạo phẩm trước, tuy quán mười giới niệm xứ, đều là một bề quán lý, nên lại nói chuyển vô minh, vì sau ở sao giải thích dùng ý trị, vô minh hành hữu đều chung ý cạn sâu, nay nói theo biệt, tức do trong chương vô minh làm lý ác, trong sự hành hữu làm sự ác, lý ác đã che lấp lý tuệ, sự ác lại trợ giúp ngăn che, nêu nêu dụ cho mà nói thì giặc nhiều ta một, sự lý hai ác là giặc nhiều, lý tuệ chẳng phải nhiều vì ta một, như giặc nhiều tướng một, lẽ ra phải dẫn trợ giúp, chân lý như vua lý tuệ như tướng, hai ác như giặc, nên giúp thêm để phá, khai đạo phẩm trước ba môn ở giải thoát sau.

Ba thông là môn Niết-bàn, đạo phẩm chánh hạnh tức là ta một, sáu tộ đã ngăn che gọi là giặc nhiều. Y theo các văn trước, cũng phải dùng chuyển bao gồm đủ và nghĩa đệ nhất bốn giáo xoay vần làm trị lẫn nhau, v.v... Nếu khởi ở sau chánh nói dụng sự, hoặc có ở sau phán xét tấn, sáu món chung lại sáu trọng đều gọi là tộ, hoặc một trọng còn bỗng nhiên khinh, chỉ trị một trọng còn khinh là tự đi, nếu sáu món đều trọng, sự phải trị khắp, giúp đạo kế ở sau nói nhiếp, điều phục các căn.

Ban đầu nhiếp mười hai khoa trước, lại oai nghi của Phật trở xuống lập lại nói pháp bất tận, như mười lực pháp bất cộng trước, v.v... Ban đầu nêu lên bốn pháp thành đạo dùng làm oai nghi, văn trước chỉ nói công đức bất cộng, không riêng hiển bày tướng ba mật bốn oai nghi lợi sinh, nên nay lại dẫn Đại phẩm này gọi là ngôi đạo tràng, giải thích

thành Pháp Hoa Chư Phật ở đây mà ngồi đạo tràng xoay bánh xe pháp nhập Niết-bàn, v.v...

Nói ở đây, chỉ là ba đức thật tướng Nhất thừa, ba đức chỉ là mười hai nhân duyên, bốn pháp nầy nương vào nhân duyên, nên được dùng nầy giải thích oai nghi của Phật, cho nên bốn Đức Phật khi ngồi đạo tràng, đều quán nhân duyên mà thành Chánh giác, đạo tràng là sở y, giác trí là năng y, năng kế hợp sở, nên thành Chánh giác, trong Đại phẩm ở sau giải thích, trong mỗi văn có nêu giải thích kết, giải thích thành đạo trong đó có bốn thứ khác nhau, đều ở đồng cư hiện bốn tướng nầy, cũng nên kết rằng, đây là tướng đồng cư thành đạo, văn không có lược, nên một đời giáo pháp không ngoài bốn tướng thành đạo ấy; kế trong xoay bánh xe pháp cũng nêu giải thích kết, trong giải thích có đủ tướng tám giáo.

Ban đầu Đốn giáo; kế là bốn giáo; kế là bất định; kế là bí mật, bốn Đức Phật thành đạo vốn vì lợi sinh, cho nên kế nói nghĩa xoay bánh xe pháp, văn nầy đã nương ý kinh Pháp Hoa, không nói tám giáo không dùng hiển diệu, cho nên ở đây quả thật đều nói, trước đã phân biệt nay lại nói lược, nhưng bốn giáo tạng, v.v... thấu khắp tất cả nhân quả hiển rõ của kinh Đại thừa, Tiểu thừa, đều lập giáo chủ, đều giúp cơ duyên, trước sau nầy đủ không gì hơn bốn pháp nầy. Bốn giáo đốn, v.v... chỉ là lực của Như lai không thể nghĩ bàn, để khắp trong các tạng sắp xếp đầy đủ, thành thực căn cơ chúng sinh há tà tu chánh, dẫn Tiểu thừa quy về Đại thừa, bỏ thiên bày viên, hội quyền nhập thật, nên có các bộ năm vị sinh nhau, lợi vật vô phương hợp thời ra vào, hoặc vắng lặng đạo tràng là căn cơ Biệt Viên, một pháp hội nầy chưa từng trải qua tiệm, gọi là Đốn, tức văn nầy dẫn trong Hoa Nghiêm, đây là y theo bộ y theo vị được gọi là Đốn, mỗi giáo trong bộ vẫn bao gồm Tiệm, y theo giáo bèn thành có tiệm có đốn có quyền thật có thô có diệu. Nên trong kinh Pháp Hoa riêng hiển, ở đây là thô, trong kinh Hoa Nghiêm cũng vậy, hướng chi là kinh Phương Đẳng, cho đến Bát-nhã kèm theo hai đối hai, cho nên hai vị cho đến thô đều gọi là Tiệm, hướng chi trong kinh Pháp Hoa vốn hiển, các bộ không có, đủ như trong huyền văn thứ nhất có giải thích rộng, nếu vậy, đâu được đốn bộ ở ban đầu, gồm thô kèm theo biệt, văn đủ hai giáo nghĩa là qua bốn giáo, có thể không lầm ư? Nên biết không thể đối với diệu kinh nầy sinh ra khác chấp, nhưng tám giáo nầy chẳng những chỉ là phán giáo mà thôi, quán hạnh rõ nghĩa cũng nhờ tám pháp nầy thấu nhiếp môn Đại thừa khiến hạnh khắp đủ, trước trong Thiên Viên tuy nói tám giáo, văn vẫn xen lẫn lại thiếu bí mật, nay ở

trong đây văn tướng đầy đủ, lược bàn đại xong; kế nêu tướng văn. Ban đầu Hoa Nghiêm là đốn, kế hoặc vườn Nai ở sau, Pháp Hoa Niết-bàn chẳng thuộc tiệm đốn, chỉ là hội tiệm mà quy về đốn, nên hội đốn cùng trong Hoa Nghiêm viên đốn không khác nhau, nhưng bộ ấy bao gồm sai biệt, lại phán chung là thô, trong Niết-bàn nói: Như sữa có tánh đề hồ, thí như trong Niết-bàn phàm phu xiển-đề còn biết Phật tánh, hưởng chi các hàng người khác ư? Nên nói sữa có tánh đề hồ, bốn giáo như tạng, v.v... nói khắp nơi, nên nay chỉ nói hai chữ bốn giáo, năm vị khác nhau, gồm thâu, nay hoặc tiệm hoặc đốn, bèn khai hiển, năm vị này, là văn trước tuy dùng đều là lập bày, nay văn chánh là bốn ý của năm vị. Trong Đại kinh giải thích hai mươi lăm Tam-muội xong. Lúc bấy giờ, có Bồ-tát tên là Vô Cấu Tạng Vương bạch Phật rằng: Như Đức Phật đã nói Chư Phật, Bồ-tát thành tựu công đức trí tuệ, trăm ngàn muôn ức thật không thể nói, ý ta cũng cho rằng: không bằng kinh này sinh ra Chư Phật Bồ-đề, Đức Phật ẩn khả xong.

**Phật nói:** Thí như từ bò mà có ra sữa dụ cho từ Phật có ra mười hai bộ kinh, từ sữa mà ra lạc, dụ cho từ mười hai bộ kinh nêu ra Tu-đa-la, từ lạc mà ra sinh bơ, dụ cho từ Tu-đa-la có ra kinh điển Phương Đẳng, từ bơ sống có ra bơ chín, thí như từ Phương Đẳng có ra Bát-nhã Ba-la-mật, từ bơ chín có ra đề hồ, thí như từ Bát-nhã Ba-la-mật có ra Đại Niết-bàn, đề hồ dụ cho Phật tánh, Phật tánh tức là Như lai, như vậy đều do quán nhân duyên mà được, lại nữa để thuốc độc ở sau là giáo bất định, lại kế ở sau dẫn chứng giáo bí mật, đây là Đại kinh quyển ba, ngài Ca-diếp lập ba mươi sáu lời câu hỏi xong, Đức Phật khen ngợi ngài Ca-diếp, lành thay lành thay, nay ông chưa được trí Nhất thiết chủng, ta đã được, nhưng chỗ ông hỏi như trí Nhất thiết, v.v... không có khác, này người thiện nam: Ta ban đầu ngồi dưới cây Bồ-đề đạo tràng mới thành chánh giác, bấy giờ vô lượng A-tăng-kỳ kiếp Hằng hà sa, v.v... thế giới Chư Phật có các Bồ-tát, cùng từng hỏi thăm nghĩa như vậy, nhưng công đức đã hỏi cú nghĩa, cũng đều như vậy, v.v... không có khác, hỏi như vậy, có thể làm lợi ích vô lượng chúng sinh, nên biết lần lần ban đầu đã có Bồ-tát thâm nghe nghĩa, vì sao trở xuống chí ý, đây là các nhà nay y theo văn Trung luận, dùng ý Đại kinh lập các tên nhân duyên này sinh diệt, chứng nghĩa thâm nghe.

Kế y theo nhân duyên nói nhập Niết-bàn, cũng nêu giải thích kết, trong giải thích nói giả danh Trung đạo, hai giáo trước nói về không đã xong, nên lược bỏ không nói, vì nói khác chỉ có luận ở sau, nên nói giả trung, y theo giáo chứng đạo đồng biệt chỉ có giả, đủ như trước đã nói,

đây là kinh Xuất Tượng Pháp Quyết Nghi, trong kinh ấy nói: Hoặc thấy ở nơi rừng Ta-la này, đều là đất cát cỏ cây vách đá, hoặc thấy vàng bạc bảy báu thanh tịnh trang nghiêm, hoặc thấy chính là Chư Phật ba đời đã an trụ, hoặc thấy nhiều lần cảnh giới Chư Phật này, cho đến hiện thân nghe pháp cũng như vậy.

Kế nêu bày trong hai cõi Phương tiện và Thật báo thật nên hiểu, hoặc xoay bánh xe pháp y theo quyển nhất ngang dọc so sánh để, và sở của ngài Tịnh Danh nói các cõi nói pháp dùng giáo thêm bớt, so sánh lời nói nên biết, nếu vào tướng hai cõi Niết-bàn, trong cõi Phương tiện chung Phật Niết-bàn, không thể cũng đồng giới nội chung với Phật người thân nhập diệt, chỉ để lại xá-lợi, bộ máy pháp tánh Phật ấy an nghỉ phải chuyển, gọi là diệt, nếu ở cõi ấy khi khởi, liền thấy vô lượng thân tướng tốt viên cơ, liền thấy thân hư không không sinh không diệt, phương tiện đã vậy, Thật báo y theo đó nên biết, tên này ở văn sau có nói lược, nên nói nghĩa mười hai nhân duyên giúp đạo nhiếp pháp.

Kế nói: Vị kế, cũng y theo nhân duyên chứng ngộ sâu cạn, ban đầu hữu lậu; kế là bốn giáo, Ca-la nên biết, đã dùng Ca-la nêu lên hai giải thoát, tức do có thông gọi là Đại như chung giải thoát, không thông gọi là Tiểu như tuệ giải thoát, trong Đại luận quyển hai mươi một chép: Ca-la, Hán dịch là Nhân duyên giác, cũng dịch là Độc giác, ra đời gặp Phật nghe pháp nhân duyên gọi là Duyên giác, ra đời không gặp Phật tự nhân được ngộ gọi là Độc giác, hai bậc này đều có khác nhau về Đại Tiểu, hoặc bảy lần sinh chứng Sơ quả, không có Phật ra đời gọi là Tiểu Ca-la, trăm kiếp chủng tướng gọi là Đại, chủng tướng khác nhau, hoặc ba mươi hai tướng chín mươi tám vẻ đẹp, cho đến một tướng, đây là Độc giác Đại Tiểu. Lại nếu hết bảy lần sinh gặp Phật ra đời gọi là Tiểu, chủng tướng tu phước, gặp Phật nghe giáo gọi là Đại, đây là Duyên giác Đại Tiểu. Lại trong hai đại đều có hiện thông hay không hiện thông. Hiện thông là Đại, không hiện thông là Tiểu, trong hiện thông thuyết pháp là Đại, không gọi là Tiểu, từ năm độ đến vị ba kỳ, Bồ-tát ba tạng, trái năm độ, v.v... theo ý câu sau nên nói trái lại vô minh dùng làm Bát-nhã, trái hạnh hữu vi năm độ, văn dường như ngược, nếu trái lại vô minh đến sau là Thông giáo.

Bốn nhãn: Phục nhãn, Tín nhãn vị càn tuệ, Thuận nhãn vị tánh địa, và Vô sinh nhãn các vị bát nhân kiến địa, Trong nhân vương dùng năm nhãn để phán xét biệt vị, tức thêm tịch diệt nhãn, kế từ vô minh đến sáu luân, hạnh vị cao thấp khác nhau. Trước nói trí hạnh chỉ nói về xuất giả. Tuy nói vô minh chỉ là vô minh chướng tục đến kết vị thì đủ

nêu bày sáu luân, nói trí hạnh thì phân biệt đến sau, đủ như trước đã phân biệt, nói sáu luân, là y theo kinh Anh Lạc nói vị có sáu, sáu vị xoay vần từ cạn đến sâu, nên gọi là Luân, lại mỗi vị đều phá kiết hoặc, nên y theo nghĩa Luân để nói về phá, nghĩa là Thập trụ Thập hạnh, Thập hồi hương, Thập địa, Đẳng giác, Diệu giác, như kế so sánh với thiết đồng bạc vàng lưu ly ma-ni thủy tinh luân, kinh có nhiều sáu để giải thích sáu vị, nay nói nhân vị lui sụt thêm Thập tín, dùng làm sáu luân, không chấp Diệu giác, từ trái vô minh đến cao thấp: là nói Viên vị tức có sáu tức khác nhau, ban đầu là lý tức, nói một người một niệm đều đầy đủ, tức trước lập lý cảnh. Si như hư không, v.v... si tức vô minh vô minh tức pháp tánh, pháp tánh như hư không già chết cũng như vậy, không tức pháp tánh, pháp tánh vô tận. Kế lại chuyển giải thích không nói: Vì sao không thể tận thể không, không có tận và bất tận; kế lại chuyển thích không, đã không có tận và bất tận, phải biết không đây là Đại thừa.

Vì sao biết được không là Đại thừa? nên dẫn luận Thập Nhị môn làm chứng, kế dùng Phổ Hiền quán làm chứng: Lại do lý sở thừa của hàng năng thừa, chứng không là đại, nếu không chẳng phải Đại vì sao người năng thừa là Phổ Hiền, v.v... năng thừa đại nên sở thừa phải đại, đại nên lý khắp, nên dẫn trong Đại phẩm bất động bất xuất, để chứng lý khắp, nếu người ở sau lại dùng Đại phẩm so sánh giải thích lý khắp, pháp tánh thật tế vốn chẳng động xuất, dù làm cho pháp tánh động xuất, nhưng Đại thừa này cũng bất động xuất, pháp tánh là lý Đại thừa, lại dùng thể ấy làm so sánh mà nay trong văn nghĩa bất động xuất riêng ở Viên. Hoặc nói chung, cộng trong Bồ-tát, động nghĩa là nhu thuận nhãn; xuất nghĩa là Vô sinh nhãn, hoặc cộng Thịnh văn thừa; động học nhãn; xuất là Vô học, hoặc Bồ-tát; động nghĩa là xuất giả; xuất là Đẳng địa, nên nay viên nhân không dứt phiền não là bất động, không phá sinh tử là bất xuất, cho nên động xuất chung ở các giáo, bất động bất xuất duy ở Viên.

Bảy lần: Nói vị kế bảy lớp quán pháp trước, nên biết bảy lần lớp trước tức là sở hành nên nói hành xứ, nay nói vị kế tức là sở giai. Trong phẩm bốn nói: Giới hồi gấp, ba pháp trước chẳng phải hoàn hoàn không trì, nhưng chánh còn là lý quán sự tướng, chẳng phải chánh, cho nên tự được dừng, làm thì không thiếu điểm, các pháp tác hạnh hoặc phải hồi ấm.

Lại trong Chỉ trì, song trì, song phạm, sự cần phải đủ, đơn trì riêng trong phạm tác trong không có Chỉ trì, hoặc phải chưa đủ, lại trong Chỉ tác tự hành từ chế, sự không được bỏ, vì vật từ khai hoặc có thể chưa đủ,



lại lý toàn sự thiếu thì gọi là rộng, nên bốn phẩm trước gọi là Hoãn, vào phẩm năm sự lý không hai, các hạnh biệt hạnh, hoặc tác hoặc chỉ hoặc tánh hoặc cơ, tất cả đầy đủ, phần chứng chặng giữa ban đầu giải thích chung; kế riêng dùng nguyệt ái kết thành ba đức và rốt ráo tức, như ở văn, các vị Đại Tiểu đều y theo mười hai nhân duyên, tiểu vị nói bảy tám pháp giới, mười hai nhân duyên, nói chín mười pháp giới, tức bốn vị Bồ-tát Biệt Viên, v.v.... Lại, Bồ-tát Tạng Thông hoặc sáu hoặc bảy, hoặc tám chín mười, chưa dứt hoặc nên sáu, nhập không nên bảy tám, hoằng thệ nên chín, quả mãn nên mười, quả đầu không người tất cả đều chín, do thật hình quyền tất cả bảy tám, khai quyền hiển thật tất cả đều mười, Biệt giáo hoặc chín hoặc mười phần giáo chứng, Viên giáo thì chung không hai mà hai, này, v.v... đều có dứt trừ, hàng phục cao thấp, hoặc vắng lặng ở sau giải thích nghi, trước lập nghi, nghi nói, các địa tức nhau như vô phân biệt, hướng chỉ là chúng sinh tức là Niết-bàn, chúng sinh rất thấp Niết-bàn rất cao, cao đã tức hạ, có gì vị kế?

Kế không sinh không sinh rất có các duyên ở sau giải thích, như tuy không vị, vị y theo sự sinh, sự nghĩa là hoặc trí nhân quả, v.v... cho nên kiến như các vị tùy sinh, pháp mê như, há có các vị? kiến như hoặc diệt, diệt như thật không diệt, chân tục không hai, sinh diệt nghĩa một, tự hạnh đã đủ có thể vì người khác mà nói khắp như vị, cho nên gọi là “vì sinh tác nhân”, như vẽ hư không, v.v... tự hạnh chân mãn cũng như hư không, đại bi lợi ích chúng sanh như hoa như chủng, cho nên Bồ-tát vì chúng sinh, không mưu cầu không tạo tác mà họa mà trồng, được gọi là phương tiện khéo léo. Hoặc người sau kết thúc bác bỏ.

Bồ-tát Chiên-đà-la, Hán dịch là Sát, tự lầm lộn vị trên Sát thường trụ mạng, hoặc vì người khác nói hại tuệ mạng người, từ đây suy ra các khổ khổ này.

An nhẫn: Là ban đầu nói cảnh sở nhẫn, tức ba chương, ba chỉ là mười cảnh, đủ như quyển năm có nói. Nghiệp ở sau nói tướng năng nhẫn, nay lại biệt đối, nghiệp ma thiên ba pháp riêng thuộc về nghiệp chương. Hai cảnh kiến, mạng thuộc về phiền não chương, Bồ-tát Nhị thừa thanh tịnh đã có hai hạnh chánh trợ, cho nên phân đối phiền não và nghiệp, báo chương nên biết. Lại dùng mười giới nhân duyên so sánh mười cảnh, tức một niệm tâm đầy đủ mười cõi, trong mỗi cõi không đâu chẳng phải ba chương, không đâu chẳng phải mười cảnh. Nếu tự giải chưa phát, nên đối với mười cảnh hoặc trái hoặc thuận mà sinh an nhẫn, kết như văn, trụ địa nhẫn nhục, v.v... Là chứng an nhẫn, cũng là quán hạnh vắng lặng nhẫn, tức là Trung đạo tịch nhẫn, an ba đế trụ ở chân

đế, gọi là nhu hoa thiện thận, trụ ở tục đế gọi là “Bất toái bạo”. An trụ tục đế mà làm tục động, gọi là tâm cũng không kinh sợ, do đó nhập tương tự ba đế, như Thanh văn ở sau nói khác, như văn không pháp ái trong đó nói có chân tự.

Ban đầu lược nêu hai vị, ban đầu giải thích tự vị, trước nêu ba pháp tương tự. Do trí ở sau răn dè chớ đối với tự pháp mà sinh ai chấp ngại nhập chân vị, hoặc ở sau chỉ bày tướng Đảnh đọa. Vì sao ở sau chỉ bày khởi tương ái, nếu không ở sau chỉ bày không pháp ái đặc nhập chân vị, chân vị cũng không chấp, hướng chỉ là chấp tự vị, nhập lý ở sau chánh chỉ bày tướng chân vị lia ái. Từ đây ở sau nói nhập vị, kế dẫn Đại luận nói chứng chân vị, có với chân pháp khởi, pháp khởi ái gọi là pháp ái, tên ái tuy đồng mà chân tự nghĩa khác, cho nên trụ trước chưa nhập đạo vô công dụng, không gọi là tự nhiên chẳng chân pháp tánh không gọi là lưu nhập, nêu được Sơ trụ vô sinh trăm cõi thành Phật, chín đạo nêu bày hình, phân thân chín cõi, giúp Phật hành hóa, công hành hóa quy về mình không nhờ siêng tu, nên gọi là Nhậm vận.

Kế nói niệm Phật: Ban đầu nói lược có trước sau với các thiền; kế nói tướng phát, kinh luận khen ngợi không thể nêu đủ, nay văn lại nói tướng phát đặc, thần lực từ giải thoát đức mà khác, trí tuệ từ đức Bát-nhã mà khởi, phước đức là nhân tướng, từ đức pháp thân mà khởi, khi niệm Phật khởi các tướng nhân kiến, biết đủ ba pháp từ ba đức sinh, lại biết ba pháp làm lợi ích cho người, người lợi ích không đồng, cũng phân ra ba pháp khác nhau, cũng biết tướng tốt tu nhân khác nhau, nên nói tướng tốt như vậy từ các công đức nầy sinh, tướng tốt như vậy có phước như vậy, như vậy biết tướng dụng thể nghiệp quả đủ như trước đã nói.

Nói hiểu sâu tướng hải: Chỉ là sắc thân tướng tốt vô biên, nên gọi là hải, chẳng phải nói Báo thân không thể nghĩ bàn hải, định tâm ở sau nói phát năm chi căn bản, niệm Phật căn bốn đều là một bên, niệm Phật và thiền căn bản đều không ngại nhau. Như vậy ở sau nói lý do khác nhau, nhưng Phật ở sau là nói khác nhau, đây là ở sau lược kết các vị. Đặc thẳng ở sau nói niệm Phật phát các thiền.

Kế trong các thiền phát Phật; ban đầu nói các thiền phát niệm Phật.

Ba thứ pháp môn: Tức là cảm động tướng tốt nghiệp thiện, cảm động là tướng dụng, tướng tốt là tướng quả thiện nghiệp là tướng nhân; kế nói lược các thiền phát niệm Phật, như văn; kế phán xét tà chánh; ban đầu nêu hai môn; kế trong giải thích trước chánh kế tà.

Ban đầu nói ba niệm tự tha, v.v... Trong Đại luận giải thích sáu

niệm trong ấy nói: ba pháp Phật, Tăng, Thiên là tha, ba pháp pháp, xứ, giới là tự, luận phán xét sở niệm ở tự tha, nay nói sở phát đầy đủ nghĩa tự tha, trong Đại luận quyển tám hỏi: Thế nào gọi là Tam-muội niệm Phật?

Đáp: Có hai thứ khác nhau, trong pháp Thịnh văn ở mỗi thân mắt tâm của Phật lần lần mở, đủ ở một phương, pháp Bồ-tát ở trong cõi Phật mười phương ba đời, Chư Phật thường hiện ở trước.

**Trong luận hỏi:** trong sáu Niệm chỉ khen ngợi niệm Phật.

Đáp: Tam-muội niệm Phật có thể dứt trừ các phiền não, diệt các tội, việc lành đại phước có công năng độ chúng sinh, nay phát nghĩa tức tập cũng đồng. Nếu được ở sau nói ý niệm Phật.

Hiện văn quang, v.v...: Trong Đại luận quyển chín chép: Một văn quang là chúng sinh thiếu phước thiếu trí, nếu thọ nhiều văn quang thì nhãn căn không kham nổi, nếu lợi căn phước dày thấy vô lượng quang, nay ý văn này chung cho lợi độn đã nói phát đắc, phải nương sự mà nói, nên nói văn quang. Văn quang là nói người xinh đẹp, ý chánh mật nói vô minh quang minh, cho nên được nói theo bốn món tất, tùy theo các chúng sinh thích nghi khác nhau, há gặp văn quang, hoặc lại xếp vào văn quang, như thấy thân tạp thứ, v.v... ở đây.; Vui vẻ là thế giới, thích nghi là người, đối trị như văn, được độ là nghĩa đệ nhất.

Kế nói trong thần thông có các luận không thật, chỉ lược biết tướng trạng để đủ phát đắc.

Ban đầu nêu số nêu tên. Trong Đại kinh quyển hai mươi hai, nói lược Đại Tiểu, trong kinh giải thích công đức thứ hai nói, có hai loại chung:

1- Ngoài.

2- Trong.

Ngoại chung với ngoại đạo, trong có hai loại:

1- Nhị thừa

2- Bồ-tát.

Bồ-tát tu hạnh Đại Bát Niết-bàn, thần thông sở đắc không chung Nhị thừa, cho nên Bồ-tát xưa không được mà nay được (thân như ý), xưa không nghe mà nay được nghe (thiên nhĩ), xưa không thấy mà nay được thấy (thiên nhãn), xưa không biết mà nay được biết (tha tâm tức mạng lậu tận) nay nói phát thông chẳng nói vô lậu, trong kinh nói rộng tướng tu chung trong Đại luận cũng nói lược tu tướng đều chẳng phải chánh ý này, nay nói lược để toan phát. Mắt trời thông là như trước đã giải thích năm nhãn nói thiên nhĩ, được cõi sắc thanh tịnh bốn đại tạo sắc, nghe

tiếng sáu đường đã nghe nhiều ít, xa gần, v.v... ví dụ nhãn nên biết. Pháp tu là nhớ niệm các thứ âm thanh, biết túc mạng là Đại La-hán biết tám muôn kiếp, Đức Phật biết vô lượng kiếp, tu pháp là thường nhớ ngày tháng năm cho đến trong thai và đời quá khứ trong ngàn muôn ức đời, tha tâm là biết sở cấu vô cấu sinh diệt của tâm người khác, tu pháp là thường nhớ những người hỷ nộ sợ sệt, thấy tướng biết tâm, thân như ý gồm có ba thứ;

1- Chuyển biến.

2- Thánh.

3- Năng đáo.

Năng đáo lại có bốn:

1- Thân bay đi.

2- Đời xa khiến gần, không đến mà đến.

3- Vào này sinh kia.

4- Một niệm đến được.

Nói Thánh: Ngoài sáu trần trong không thể ưa thích vật không có vật thanh tịnh, khiến cho đáng ưa thanh tịnh, chỉ Phật mới có, nên nói là Thánh.

Chuyển biến: Đại Tiểu một và nhiều lại xen có thể làm, cho đến có thể làm tất cả việc, nếu ngoại đạo biến hóa cùng tốt không hơn bảy ngày, hai đệ tử Phật chẳng luận lâu gần, tu pháp là nương bốn như ý túc khởi thân khinh nêu tưởng. Nhưng các thần thông chưa được quả Thánh, đều không thừa nhận tu, cho nên không được nói rộng tu tướng, hướng chỉ nay trong văn vì nói phát đắc, nói lược đại đạo khiến biết tạo tác ấy. Lại các pháp từng được vô lậu thông, như Đại Bồ-tát, Đại Tiểu La-hán, Bích-chi Phật, Chư Phật. Lại không nói về phát, nay nói phát, chỉ là quá khứ có tu sự thông, đã chẳng phải vô lậu thì chưa ra ngoài cõi, nay nhân Chỉ quán phát tập quá khứ, trong Đại luận lại nói rộng sinh đắc báo đắc như các trời quỷ thần, v.v... phát đắc như Bồ-tát Vô sinh nhẫn, v.v... tu đắc như các Thánh, v.v... đều chẳng phải ý này, chỉ được ở sau nói xen phát hữu vô, hoặc nói chung ở sau nương thần thông riêng phán xét phát. Ban đầu nói lược thần thông khác nhau, nói Đặc thắng nói chung phần nhiều phát thân khinh nêu, v.v... do hai thiền này có thân quán, thấy thân dứt tâm, ba việc nhỏ nhiệm, dứt tánh khinh nêu, tâm như tượng trong gương thân như bóng mây, cho nên thần thông từ hai thiền này sinh đối với lý hơi tiện, còn bao nhiêu không ở đâu mà không phát cho nên nói nhiều, Bối xả thắng xứ phần nhiều phát thân như ý thông, chuyển biến tự tại, đã so sánh tốt xấu Đặc thắng tri kiến, tâm thắng

được sắc cho nên chuyển biến mà được tự tại, nhiều nghĩa như trước; kể nói về thông minh, nói thẳng như chẳng phải vô lậu minh: Trong ba minh dễ phát, còn hai định chẳng phải vô lậu, ý hữu lậu như trước đã phân biệt, trong quyển bảy đã phân biệt rộng, cho nên trong đây chỉ được hai minh năm thông. Minh là thẳng trong thông, sở phát đã tế gọi là minh, thật chưa đắc minh, hưởng chi là vô lượng ở sau hợp, trong mỗi thông đều có năm chi, ở đây nói lược, nên nói trong mỗi thông các thứ năm chi, do thông nhiều hơn các thiền.

Chánh nói tu quán, chẳng giữa ban đầu nói ý, nói tham chấp thiền vị, v.v... trong kinh ấy vốn bác bỏ Bồ-tát trụ thiền, không thể lợi ích chúng sanh, nghĩa phải ở ràng buộc, nên nói do phương tiện sinh là Bồ-tát giải, nay cũng nêu bày, được chín thiền trên không thể quán sát khiến thành cõi Phật, tùy thiền thọ sinh, nầy thì tự thiếu xuất yếu, làm sao có thể lợi tha, hưởng chi là nhờ thiền mà khởi sáu pháp giới, dụ cho đưa chuột thật có lý do.

Kế là tu quán, chẳng giữa ban đầu nói cảnh nghĩ bàn, trước dùng đưa chuột thì dụ thiền là lý do mười cõi, do được thiền nên nương vào thiền sinh lỗi sinh đức, nên có mười cõi khác nhau khác nhau, cho nên đắc thiền phải nên quán sát, làm thành Nhị thừa còn phải quán sát, hưởng Vô thượng thừa, nên nói quán sát mười ý. Kế ban đầu tuy ở sau chánh, giải thích chẳng giữa, Tứ thiền Tỳ-kheo đến hỷ căn là cõi địa ngục.

Phi ly là súc sinh, danh lợi là cõi quỷ, thẳng ý đọa ngục như khéo léo nêu ra hai độ trong đó nói.

Bàng hỷ căn, bởi chấp ở sự thiền căn bản mà chê bai đại hóa. Phi ly là trong Đại luận quyển mười chín, như quyển bốn có giải thích, hoặc dụng thiền quán huân mười điều thiện, v.v... Hai cõi thiền trên, hoặc huân tánh giới, hoặc huân vô tác, nay lại từ huân tánh thiện giảng nói cho người nghe, do giới vô tác đến giải thoát, hoặc căn bản chưa phát tức chỉ cho dụng thiền, do vì nghiệp thiện, ở trong dụng thiền Không Cư bốn Thiên, do thô tế trụ, v.v... huân mười điều thiện, như vậy mỗi tiết khác nhau gọi là thượng giới nghiệp, văn thiếu Tu-la chỉ là lược, vì tu thẳng tha, v.v... đại ý nên biết, như đại thông đến một trăm tám mươi, v.v... kiếp ấy các Phạm thiên đến nay không đến, tức giới gấp và người được thế thiền thừa rộng, ba ác tức thừa giới đều rộng, nên biết các Phạm đến: Tuy được thế thiền thừa giới đều gấp, nêu bày xưa đều rộng và thừa rộng, nên nói hiểu rõ không có một người thấy Phật được ra khỏi sinh tử. Nếu chuyên tu bất tịnh, v.v... đi đến pháp giới Thanh văn,

nói nương vô lậu thiền như chín tướng, v.v... nên được cõi Thanh văn. Đã nói, v.v... Là đẳng Đặc thắng thông minh và đại bất tịnh, v.v..., do Đặc thắng thiền bao gồm hữu lậu, nên không nêu ban đầu. Nếu quán đến pháp giới Bồ-tát, lại làm hai nghĩa để giải thích.

Nếu y theo năng quán phá tặc biên mà nói gọi là giới Bồ-tát, hoặc y cứ đủ bốn đế nói gọi là giới Thanh văn, văn đã đủ cả hai nên nói cũng là giới của Bồ-tát sáu độ. Lại thiền phải bỏ đi nói riêng giới của Bồ-tát sáu độ, trong bốn đế trước tuy liền phá tặc thành nghĩa sáu độ, nhưng thành pháp giới Thanh văn, chung tướng phá tặc, Bồ-tát nương thiền biệt biệt phá tặc. Lúc bấy giờ trường hàng xa lại thêm hoàng thế, nên lại nói riêng Sáu độ Bồ-tát. Nếu vậy, cả hai gồm giải thích ý nào có khác Thanh văn?

Đáp: y theo xuất khổ biên thì thuộc Thinh văn, y theo bi tặc biên tức thuộc Bồ-tát, nếu giải thích riêng là y theo đây nên biết, nương hai pháp trước bao gồm giải thích nghĩa tiện cho nên lại giải thích Bồ-tát, lại quán thiền là nhân duyên, hai giáo Duyên giác giới, vì sao vậy? Vì đã không sai biệt, nói sinh và vô sinh khác nhau, chỉ nói nhân duyên. Lại trong văn đã nêu bày ở sau Bồ-tát ba tạng, Thinh văn, trước Thông giáo Bồ-tát Thinh văn, trong văn ba tạng ở trước, lại chưa nói Duyên giác chỉ nói hai thừa Thinh văn, Bồ-tát. Trong Thông giáo nói, v.v... Là cũng đồng chấp Duyên giác.

Kế Biệt giáo: Là trong văn ba đế tuy đều nói tức, y theo kế nói tức chẳng phải nói dụng tức, tên tức đã lẫn lộn nên phán xét riêng mà nói mười cõi Tứ thiền có sinh có diệt, vì sao ở sau giải thích tướng sinh diệt có văn năm tiết, hoặc ban đầu sinh sáu diệt bốn, hoặc sinh vô sinh cộng diệt sáu cõi, thì không được nói vô sinh diệt bảy nay văn lại từ truyện truyền diệt bên, nên từ bảy pháp giới vô sinh diệt, cho đến nhất thật khéo độ diệt chín pháp giới, từ thứ bát trở lên xoay vần chỉ là diệt nhất pháp giới, do trước như một cho nên nói diệt bảy cho đến tám chín. Thành vương hoặc nhập chứng đạo không còn có sinh diệt, đồng quy về nhất thật. Lại trước tuy nói sinh sinh rồi lại diệt, hoặc đến thứ mười thành vô sinh diệt, cho nên các pháp Địa tiền hoặc đến Sơ địa, nhiếp ngọn về gốc, đồng một vị mặn, đến nổi khiến sự thiền đến hội thật này, xét vị nhập thật không cần đổi đường, nhiếp thành Sơ địa cho đến quả đức kết thành năm hành, trong đó nói nêu tóm tắt đến hạnh trở thơ vốn là thứ lớp năm hạnh, đến Sơ địa Vương Tam-muội đều thành một pháp không thể nghĩ bàn, nói chín pháp giới định tuệ. Bồ-tát cũng ở trong chín cõi, nên nói chín cõi, lại ở trong chín cõi đều tu ba học, duy

ở địa ngục dù không hiện hành, cũng dễ phát tập, đến này gồm chung vào năm hạnh, phạm hạnh do từ bi làm thể, không được nói riêng còn bao nhiêu như văn, chỉ là một hạnh mà lập năm tên, một năm tướng tức chẳng phải một, chẳng phải năm, gọi là một năm hạnh, vẫn do bốn nhân cho nên thành thứ lớp. Kế do năm hạnh này sinh mười công đức, là y theo thứ lớp nói, do năm hạnh đầy đủ được nhập Sơ địa, nên nói năm hạnh sinh mười công đức. Sơ địa tức là con đường thứ nhất cuối văn năm hạnh tuy nhiều lần giải thích công đức thứ nhất, chính là nhiều lần nói về tướng công đức Sơ địa, cho đến thứ mười đem so sánh Thập địa, hoặc làm giải tổng biệt. Bắt đầu từ Sơ địa đến địa thứ mười, hằng đủ năm hạnh và mười công đức, mười đức đối địa lại rõ ràng, như trong Thích Tiêm có nói, kế là tên ở sau kết thành tư nghi; kế nói trong cảnh không thể nghĩ bàn. Nói vô lượng định tán, là nói một niệm thiền tâm đủ mười cõi định tâm, vì sao ở sau giải thích, nêu chưa biết pháp tánh thì mười cõi chung tán, nếu hiểu pháp tánh mười cõi chung định, định tán như thế chẳng phải mê chẳng phải giải, nên biết một niệm định tán không hai, pháp tánh vô minh chẳng đồng chẳng khác, gọi là không thể nghĩ bàn, tuy siêu vượt ở sau giải thích về pháp tánh vô minh định tán tức là, v.v... Nhị thừa chẳng biết được, Nhị thừa không biết cũng thuộc về thường tình, cũng nên nói Bồ-tát ba giáo đều không thể biết, lý tánh vốn vắng lặng nên nói siêu việt, từ vô tử chưa từng hiển bày nên nói chẳng lia, trong kinh nói ở sau dẫn trong kinh để chứng minh, tuy tức ở sau giải thích kinh, diệt hết vốn là tiểu tông sự định, trong văn kinh đã nói tức chúng sinh, cho nên không được dùng Tiểu thừa mà nói tức thị, phải biết tức chỉ cho tâm tánh của chúng sinh, lý vốn diệt hết nên bất phi bất thị, vì sao ở sau chuyển giải thích, lý tuy vốn diệt, hoặc do lý này mong ở chúng sinh chẳng phải tức chẳng phải lia tánh cũng là vô tánh, làm sao có chúng sinh, sợ mê lý cảnh nên chưa có tử phi, e phàm lẫn lộn Thánh nên chưa có tử phi (bắt đầu đúng), vì bất tức nên chưa bắt đầu dùng, do chẳng lia nên chưa bắt đầu sai. Nói chưa bắt đầu, v.v... nghĩa là từ vô tử, v.v... trong đây nói lược nhưng nói bắt đầu, tức từ vô tử chưa đúng từ vô tử chưa sai, nên nói không tức không lia, cho nên phải dùng sáu tức để xét vị, sáu cho nên bất tức, tức cho nên chẳng lia, thường tác là quán, tất cả diệu định không ngoài chúng sinh. Kho lượng như hư không: Là hiển bày rõ ràng chỉ có Phật mới liễu ngộ được, không xen lẫn các thứ độc, như phát tâm thứ năm ở trước đã phân biệt. Trong phẩm an tâm nói khéo léo, v.v... tức sáu mươi bốn lần, hoặc quán bỏ nói không thứ lớp ba chỉ ba quán, nương tên trong hiển thể ba chỉ ba quán,

mỗi chỉ quán ba đế đầy đủ. Như trong thể chân nói hai bên vắng lặng, phải biết ba đế đều vắng lặng gọi là thể chân, nên nghĩa thể chân không đồng với thứ lớp thể chân.

Trong Quán không nói chiếu pháp tánh tịnh, phải biết ba hoặc là không thanh tịnh, chiếu ba đế không gọi là không quán, sơ chỉ sơ quán cũng đủ ba đế, còn hai chỉ quán chỉ theo ví dụ nên biết, vì muốn thức biết chỉ quán không thể nghĩ bàn.

Không biệt mà biệt, cho nên ban đầu quán chỉ nói tức không giả, nói tức không tức giả, trong đó mới đủ ba, sơ liên quan đến thứ lớp nên sau kết nói ở một niệm tâm, vì phá hai bên gọi là một, gọi là trung, v.v... thể ba đế vốn không khác một ba trung biên, y cứ phá hai nên gọi là một, vì phá bên nên gọi là trung, vì phá Thiên nên gọi là Viên, vì phá sinh diệt nên gọi là vắng lặng, vì phá thứ lớp nên gọi là nhất tâm, lý mâu thật không khác nhau như vậy, từ ý nào mà không ngộ. Y theo thiên trị tế, sáu món trị khác nhau rộng như văn trước, vị mê đắm mười thiên mong lý chân đế cũng tự là tế nên nói tùy thiên thọ sinh, hướng mong lý mâu mà chẳng phải tế ư?

Hỏi: Chín tướng trở đi đã nói là vô lậu, tạo sao gọi là Tế?

Đáp: Đây chỉ có thể lấy vô lậu làm duyên, chỉ là vô lậu cũng là trung chướng, hướng chi đối với duyên và với duyên sinh, nên gọi là Tế. Hoặc nhiều lần giải thích, trải qua mỗi thiên mỗi vị, đều phải biết tướng sáu tế, đều dùng sáu vị trị mà trị các tế, cho nên dùng không để bỏ mười thiên, gọi là San, trong đàn cũng xả mười cõi y chánh, vì sao chỉ sự tướng mười thiên mà thôi, hoặc chấp thiên vị cũng phá không giả đạo cộng tự tại các giới, hướng chi lại tùy đạo giới cụ túc ư? Còn bốn pháp tế y theo ví dụ nên biết. Phạm Thiên Hắc Xỉ: Là từ thiên sinh ra, trong đó cũng tự có sân, hướng chi là phát bực thiên làm sao khỏi tức giận, đều nói: Dương khổ đáo, v.v... thể thiên là tế, còn phải bị khổ, hướng chi là phiền não nghiệp ma buông lung mà không hối hận, người đời tự cho mình là vô tội, không cần sám hối lỗi lầm, trong mỗi pháp trị đều dùng sự độ trị ở sự tế, khiến sau lý độ, nên nói phá tùy đạo giới, v.v... kế trong kết đủ như trong quyển bảy sự lý nhiếp pháp, hành nhân quán pháp cùng tột đến đây, bắt đầu từ cảnh quán cuối cùng đến trợ giúp trị quán pháp đã đủ, ở sau ý ba lần như văn đã nói. Lại kế vị là chánh ngăn lẫn lộn, còn hai pháp sách tấn quán cạn khiến cho sâu, phải biết đều chẳng phải thể chánh quán, còn các văn y theo mong ấm nhập lẽ ra cũng thấy được.